

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG



SEN NỎ

CHÓN TỬ TÙ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP



Sư Cô Thích Nữ Giới Hương (Phạm Thị Ngọc Dung) sinh năm 1963 tại Bình Tuy và xuất gia năm 15 tuổi. Sư cô đã tu học tại Ấn Độ 10 năm và năm 2003, tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học tại Trường Đại Học Delhi, Ấn Độ.

Sư cô thích làm thơ, viết văn và trầm tư về pháp. Sư cô cũng là tác giả, dịch giả của các sách:

- *Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions*
- *Bồ tát và Tánh không trong Kinh điển Pali và Đại thừa*
- *Ban Mai Xứ Ấn (3 tập)*
- *Vườn Nai – Chiếc Nôi Phật Giáo*
- *Xá Lợi Của Đức Phật*
- *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*
- *Vòng Luân Hồi*
- *Hoa Tuyết Milwaukee*
- *Luân Hồi trong Lăng Kính Lãng Nghiêm*
- *Nghi Thức Hộ Niệm Cầu Siêu*
- *Nữ Tu và Tù Nhân Hoa Kỳ (2 tập)*
- *Quan Âm Quảng Trấn*

Thích Nữ Giới Hương

Biên dịch

SEN NỞ CHỖN TỬ TÙ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP - 2010

Địa Chỉ Liên Lạc:

TỬ SÁCH BẢO ANH LẠC

Hương Sen Buddhist Temple

24615 Fir Ave., Moreno Valley,

CA-92553, USA

Tel: 951 601 9659

Web: www.chuahuongsen.com

Email: thichnugioihuong@yahoo.com

MỤC LỤC

Lời đầu.....	7
Thiền Sinh Phản Đối Án Tử Hình – Kobutsu Malone.....	9
Quán Sô Tức - Henry Mathews	11
Ác Cảm – William Graham.....	16
Sứ Giả Hòa Bình – Jarvis Masters	21
Thiền tại New York – Thomas Haney	27
Đến với Thiền – Thomas Haney	32
Buddy Ed của Tôi – Steven W. Hawkins.....	40
Công Việc của Chúng tôi là Kể Chuyện - Helen Prejean	45
Trại Trị Liệu: - Robin Casarjian.....	47
Thọ Giới tại Nhà Tù Sing Sing – E-kun Liz Potter.....	57
Những Bức Thư – Daniel.....	59
Tập Thiền trong Tù – Kobutsu Malone	65
Phỏng Vấn Người Tử Tù – Jean Crume.....	71
Tử Hình: Giây Phút Cuối Cùng - Kobutsu Malone	77
Chuyến Hành Hương Ngục Tử Tù - Kobutsu Malone và Dakota Rowland	92
Dịch giả	119

LỜI ĐẦU

Hội Thiên Dẫn Thân (*The Engaged Zen Foundation*) là một tổ chức thành lập với mục tiêu hướng dẫn phương pháp tọa thiền trong nhà tù để giúp các tù nhân làm chủ tâm mình và phát huy những khía cạnh tốt đẹp của cuộc sống trong hiện tại và sau khi ra khỏi tù. Với sự nỗ lực của chính bản thân, tù nhân sẽ trở lại xã hội với tâm hồn kỷ luật, kiên nhẫn, không bạo hành và giàu lòng từ bi.

Sau nhiều năm, Hội Thiên Dẫn Thân đã mở rộng tầm hoạt động, hướng về những vấn đề rộng lớn hơn như quyền lợi con người và công bằng xã hội, v.v... Hoạt động của hội là trợ giúp mọi tù nhân trên căn bản của “tùy trường hợp” và phần lớn những nỗ lực của hội diễn ra trong âm thầm và ít người biết đến. Hội Thiên Dẫn Thân như là một động năng khuyến khích các chương trình cải cách trong hệ thống nhà tù như đề nghị xóa án tử hình thay bằng án chung thân không ân xá hoặc ân xá.

Được sự cho phép của Thượng tọa Kobutsu Malone - Trang chủ Hội Thiên Dẫn Thân, cô Robin Casarjian và các tác giả khác, tôi xin phỏng dịch một số bài viết trên các trang web www.engaged-zen.org/articles/Kobutsu_Death_Row_Practice.html;

www.lionheart.org với mục đích giới thiệu với các độc giả thấy hình ảnh các tù nhân nỗ lực hướng đến đời sống tâm linh phong phú bằng phương pháp thiền Phật giáo với sự hỗ trợ nhiệt tình của chư tôn đức tăng ni Phật tử hay cư sĩ tình nguyện. Xin thành tâm tri ân công đức thiện nguyện dân thân của chư Tôn đức tăng ni và quý Phật tử trong sự nghiệp hoằng pháp tại chốn lao tù này, tựa như giúp cho những búp sen tâm nở nơi chốn tử tù. Đó là tựa đề của tác phẩm chuyên ngữ này “Sen Nở Chón Tử Tù”.

Khả năng dịch thuật cũng còn kém, nhưng vì nhiệt tình muốn giới thiệu một cái gì ‘bên trong tù’ ra thế giới ‘bên ngoài’, nên dịch giả không ngại sức mình thô thiển. Nhiều đoạn vẫn không nhằm mục đích thì dịch giả xin lược bớt. Chắc hẳn còn nhiều sự sơ sót, kính mong các bậc thiện tri thức hoan hỷ chỉ giáo để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Thành kính tri ân tất cả.

Chùa Hương Sen, 18/03/2010

Thích nữ Giới Hương

THIỀN SINH PHẢN ĐỐI ÁN TỬ HÌNH

(Kobutsu Malone)

Đứng trên quan điểm của một tu sĩ thiền tông, tôi chống đối án tử hình, chống đối tất cả sự giết hại cũng như tất cả sự hình thức áp đặt sự khổ đau lên bất cứ một chúng sinh nào, dù đó là hành động của cá nhân hay của một nhóm, một quốc gia. Sự chống đối này dựa trên sự chọn lựa của cá nhân tôi. Điều này không lệ thuộc vào sự chỉ định của một lời dạy trong kinh điển, giáo điều, sự áp bức hoặc do sự chỉ định của bề trên nào cả. Sự chống đối là bản phận của tôi, khả năng đối kháng của tôi. Chính tôi là người đã quyết định “tôi là ai” một cách sáng suốt và quyết đoán, tôi không phải là người bị bảo “phải là tôi”. Tôi đã quyết định cho chính mình tuân giữ Giới luật thứ nhất của Đạo Phật:

“Kính trọng và thương yêu tất cả mạng sống, tôi nguyện không bạo động và không sát hại bất cứ sinh mạng nào”.

Các giới luật trong truyền thống Phật giáo không phải là những mệnh lệnh. Giới chỉ nêu lên những gì chúng ta nên hay không nên làm. Tôi quyết định giữ

10 SEN NỮ CHÓN TỬ TÙ

giới luật này dựa trên kinh nghiệm của cuộc sống, sự nhận thức về thực tại và sự quyết định đóng góp làm đẹp cho xã hội hơn bằng các sự không gây sự khổ đau cho kẻ khác.

Tôi thiết nghĩ rằng thiên là một truyền thống rất đơn thuần, không giáo điều, không mệnh lệnh, không quyền uy, trên chỉ là bầu trời bao la...

QUÁN SỔ TỨC

(Henry Mathews)

Tôi tên Henry và sự thực tập thiền của tôi là quán sổ tức (đếm hơi thở). Đếm hơi thở ra, thở vô từ một đến mười. Có một thời kỳ, tôi đếm những ngày đi qua, rồi đếm đến tháng, rồi đếm đến năm của từng lúc lịch. Hiện nay tôi chỉ đếm hơi thở. Đây là lần đầu tiên trong năm mươi năm từ khi tôi đi lại trên đất và mười chín năm rưỡi từ khi tôi ở tù, tôi có một cái gì để tin tưởng.

Nhiều người cho rằng năm mươi năm là một khoảng thời gian dài. Nhiều người đi tìm cầu mảnh đất tâm linh trọn cuộc đời mà rốt cuộc không tìm được gì. Tôi nghĩ rằng tôi vô cùng may mắn, chỉ có năm mươi năm tìm kiếm mà được gặp pháp môn thích hợp - thực tập thiền quán.

Khi tôi còn nhỏ, lớn lên trên những đường phố trong khu Harlem, tôi may mắn đọc được quyển “Đất Lành” của Pearl Buck. Quyển sách đó đã để lại một ấn tượng sâu xa, khiến tôi có thể khơi dậy sự kính trọng và thích thú đối với nền văn hóa Đông phương. Suốt cả cuộc đời, sự thích thú ấy vẫn tồn tại – thám tử tài ba “Charlie Chan”; cú đá tuyệt vời của Bruce Lee và tất cả phim ảnh võ hiệp – không phải chỉ là sự giải trí. Những lời dạy căn bản của Không Tử, Lão Tử và Đức Phật đã dần dần đi sâu vào tâm khảm tôi. Tôi chỉ có thể đọc

nhưng chưa hề hiểu thấu ý nghĩa thâm sâu của những lời dạy đó. Nếu tôi có thể thực hành những lời dạy đó, có lẽ hiện nay tôi đã không phải vào tù. Nhưng quá khứ là quá khứ, cái gì đã xảy ra thì đã xảy ra!

Hiện nay, tôi đang ở đây, trong hiện tại và bây giờ, phẩm chất của giây phút hiện tại, là yếu tố xác định để hướng dẫn cuộc đời tôi. Bị giam trong tù, đặc biệt là bị giam lâu như tôi, đây không phải là chuyện dễ dàng. Sự tù tội đã làm hao mòn thể xác và tinh thần tôi. Tôi ngạc nhiên là tôi vẫn còn sống và giữ được một vài mục tiêu của cuộc sống hơn mười chín năm đằng dặc. Tôi nghĩ rằng (nghệp) quá khứ (của tôi) đã dọn đường cho tôi đến việc thực tập tâm linh này. Sự thực tập là đếm hơi thở, chỉ đơn giản như vậy!

Lần đầu tiên tôi gặp Thượng tọa Kobutsu Shindo Kevin Malone. Thầy gọi cho tôi hình ảnh nhân vật Jake Lamotta trong phim Raging Bull. Dáng người thấp với bẻ ngang tròn như thân cây Redwood. Tôi không có hân hạnh hoặc vui sướng được biết thầy Kobutsu trong lần gặp ngắn ngủi tại “nhà kho người” (trại tù) nổi tiếng “Trung Tâm Cải Tạo Sing Sing”. Lần đầu tiên tôi gặp thầy là tại nhà thương của Trung tâm. Lúc đó tôi đang có mặt tại nhà thương để tham dự một chương trình cho tù nhân. Trong khoảng giờ giải lao ngắn, tôi bước ra khỏi phòng để thư giãn đôi chân, đồng thời hít thở ít không khí trong lành cho đỡ buồn ngủ. Trong khi đi thông thả, tôi nhìn vào những

gian phòng dọc theo hành lang. Khi tôi đi đến cuối hành lang, tôi bắt đầu quay trở lại. Trong khi quay người, tôi nhìn vào một gian phòng tối đen, tôi dừng chân và nhìn vào trong phòng. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy cái đầu tròn như trái banh của Thượng tọa Kobutsu. Thầy ngồi trên những chiếc mền được trải trên mặt đất. Gian phòng nhỏ hẹp, đen đúa và bẩn thỉu. Có lẽ đây là một nhà kho không còn dùng nữa. Đèn trong phòng đã tắt, nhưng có đủ ánh sáng phản chiếu để cho tôi thấy được những người ở trong. Thầy Kobutsu, một người đàn bà trẻ, E-Kun Liz Porter và nhiều bạn tù đang ngồi trên những tấm mền, tuyệt nhiên bất động. Khi tôi nhìn họ, sâu trong lòng hình như có tiếng mời gọi tôi tham dự vào sự bình an và im lặng sâu thẳm đó. Nhưng tôi khựng lại vì có cảm tưởng rằng mình là một người ngoại cuộc chưa biết lối vào. Chỉ có một bước qua ngạch cửa, nhưng tôi không thể nào bước qua. Hơn nữa, tôi còn phải trở về tham dự chương trình của tôi.

Lần kế, tôi thấy thầy Kobutsu và E-Kun ngồi với bạn tù (sau này tôi mới biết đó là tọa thiền). Khi tôi đang đi đến Thư viện Luật pháp của nhà tù để tìm hiểu một vài vấn đề thì gặp họ đang ngồi đó, ngồi trong sự tĩnh lặng tuyệt vời. Tôi đứng bên cánh cửa và nhìn vào trong cũng khoảng mười phút. Người nào hay tọa thiền, chánh niệm an trú hiện tại sẽ hiểu được sự tĩnh lặng bình an và lực lượng mạnh mẽ mà sức định tỏa ra khắp không gian. Mặc dù tôi đứng ngoài phòng,

nhưng tôi lại nhận thức rõ trong tâm rằng tôi đang ở trong vòng tham dự sự thực tập tọa thiền. Tôi vẫn chưa dám bước vào nhưng trong lòng tôi bi ết rõ tôi đang tìm cách bước vào.

Tôi tiếp tục đi đến thư viện nhưng tôi biết sự tìm kiếm thực sự của tôi không phải tìm trong một quyển sách luật pháp hay trong thư viện mà là ở trong gian phòng với nhóm tu tập đó. Tôi hỏi các người bạn và cuối cùng cũng bi ết được thời gian và địa điểm mà nhóm tu thiền tu tập. Khi đó, nhóm tu thiền đã dời đến một gian phòng lớn và sạch sẽ hơn dưới hầm của Giáo đường của nhà tù. Tôi không biết là mình đang gặp gỡ Phật giáo hay là nhóm Gypsy (nhóm dân tộc thiểu số Châu Âu trong thời Trung cổ)?

Lần đầu tiên tôi bước vào thiền đường, cảm tưởng “xa lạ” mà tôi đang có trong đầu, tự nhiên biến mất, thay vào đó là một sự chào mừng thân mật và ấm áp của những người trong nhóm. Thầy Kobutsu dẫn tôi ra một bên độ vài ba phút, giải thích về nghi lễ và tọa thiền cho tôi nghe. Qua sự hướng dẫn ngắn ngủi đó, tôi bắt đầu thực tập đếm hơi thở. Từ đó, tôi thường ngồi tọa thiền bất cứ lúc nào thuận tiện, hoặc là trong nhóm, hoặc là một mình. Những đồng bạn tu tập tọa thiền đều biết rằng đây không phải là điều dễ dàng. Nhiều lúc tôi không thể đếm quá “hai”, hoặc trở thành hợp nhất với sự đau đớn thể xác mà tôi phải chịu đựng, nhưng cũng có những lúc quý báu, khi đang tĩnh

tọa, hành giả quên mất chính mình và chỉ ngồi yên một cách đơn thuần. Đây là thành quả của thiền.

Ở đây không đủ chỗ để tôi ghi ra tên họ của tất cả những những ân nhân đã giúp đỡ cho sự tồn tại của thiền đường Dharma Song trong trại tù Sing Sing. Quý vị sẽ không bị lãng quên. Thượng tọa Eido Sotai Shimano, nguyện ngài luôn được thành công trong sự nghiệp hoằng pháp. Thượng tọa Kobutsu Shindo và E-Kun Liz Porter, nếu không có sự nỗ lực và quan tâm của các ngài, ắt sẽ không có thiền đường Dharma Song. Những lớp Giáo Lý Phật Pháp vào sáng chủ nhật của sư cô Saman Sodo khiến cho tất cả tù nhân đều phấn khởi...

Xin thành kính tri ân.

ÁC CẢM

(William Graham)

Scott là một người tình nguyện đến thiền đường Dharma Song mỗi tuần một lần, đôi khi hai lần. Tôi là một người tù tham dự vào chương tình tu thiền với mục đích phát triển tâm linh. Scott là người Mỹ trắng, còn tôi Mỹ đen. Cộng nghiệp đã đưa chúng tôi đến với nhau trong sự bất đồng. Cả hai chúng tôi đều không có sự lựa chọn.

Hai chúng tôi thực tập tọa thiền trong thiền đường dưới tầng hầm của giáo đường trong trại tù Sing Sing. Cho đến hôm nay, Scott là người da trắng độc nhất mà tôi thân thiết chứ không phải là một sự xã giao hời hợt.

Khi tôi mới gặp Scott, tôi không xem anh ta như một cá nhân hoặc như một con người. Tôi xem anh ta như một con quỷ, thành phần của một chủng tộc và một hạng người đã tàn nhẫn với chủng tộc da đen và gây sự đau khổ cho chính bản thân tôi. Tôi đã không cho anh ta một cơ hội để trình bày về con người thật của mình.

Người da trắng đã gây cho tôi rất nhiều phiền muộn cho nên tôi đã có thành kiến và đổ thừa cho anh những gì mà tôi đã nhận thức về những người da trắng

mà tôi đã kinh nghiệm. Tôi thấy Scott có vẻ ta đây, ngạo mạn và hồng hách. Anh ta làm ra vẻ cao quý mà tôi thấy được qua màu da kiêu sa của anh.

Trước kia, tôi đã gặp nhiều người da trắng với thái độ hồng hách và Scott hình như là một trong bọn họ. Thái độ hồng hách mà tôi đề cập luôn luôn gây cho tôi ấn tượng là người da trắng cảm tưởng như họ ban bố sự văn minh đến cho người dân bản xứ. Hình như là Scott biết rõ hơn tôi về cách tôi phải sống thế nào tốt đẹp hơn. Ấn tượng này càng lớn mạnh sau mỗi lần gặp gỡ của chúng tôi.

Hình như chúng tôi nhìn nhau bằng cặp mắt thách thức, khinh bỉ hoặc khiêu khích và ãđng ầm ngậm công kích nhau kịch liệt. Tôi cảm thấy thích thú trong việc chứng tỏ sự già dặn và ưu việt của mình bằng cách ngồi kiết già đối diện với anh ta trong thiền đường, vì tôi biết anh ta không thể ngồi kiết già. Mỗi buổi ngồi thiền, tôi thường cảm thấy kiêu hãnh khi thấy anh ta đứng dậy có vẻ khó khăn. Sau một thời gian, anh ta hình như cảm nhận được sự ác cảm của tôi. Việc này giữa hai chúng tôi kéo dài một khoảng thời gian.

Một buổi tối, mọi việc bùng nổ. Tối đó, thầy Kobutsu không thể đến nhà tù và Scott được cử làm người hướng dẫn. Hôm đó, tôi ngồi làm chỗ hai lần mà không biết.

Lần thứ nhất, trước khi buổi tọa thiền bắt đầu. Tôi

đứng dậy ra ngoài, khi tôi trở lại, Scott đang ngồi trên chỗ mà tôi vừa để trống. Tôi chẳng nói gì bèn ngồi đối diện với anh ta. Anh cho biết tôi đã ngồi trên chỗ của người hướng dẫn. Tôi nói “Không sao”, bèn đứng dậy. Tôi cảm thấy hơi bất mãn, bèn nói rằng nên nói lớn tiếng, đừng nói với giọng thì thào làm như có v e s ợ s ệt. Tôi bảo anh ta nếu muốn gì cứ nói đừng có thêu thào, phải tỏ ra đàn ông mạnh mẽ.

Giờ tọa thiền bắt đầu, tôi ngồi kiết già. Thường thường chúng tôi chỉ ngồi mỗi thời 35 phút, thế nhưng đặc biệt tối nay, chúng tôi ngồi thêm 10 phút. Những ai thực tập tọa thiền một thời gian đều biết đến sự đau nhức khi thời thiền chấm dứt. Chân và đầu gối tôi đau buốt trong khi ngồi kiết già 45 phút. Trong khoảng 10 phút ngồi thêm đó để phản ứng sự đau đớn, tôi bắt đầu thở mạnh và nặng hơn. Scott nghe được, bèn nói: “Kiểm soát hơi thở.”

Tôi vi phạm quy luật không nói chuyện trong thiền đường và cải lại anh ta: “Hãy ngồi kiết già lâu như chúng tôi, rồi xem hơi thở của anh thế nào!” Trong thời kinh hành, anh ta bước ra hành lang và gọi tôi ra ngoài nói chuyện, tôi nói: “Đợi một chút.” Anh ta gọi tôi hai lần và tôi đều từ chối. Anh ta đứng ngoài hành lang cho đến lúc kinh hành chấm dứt và mọi người bắt đầu tiếp tục tọa thiền thêm 35 phút nữa.

Scott đi vào trong thiền đường, bật đèn lên và trình bày cho mọi người nghe rằng anh ta không tha thứ sự

vô lễ trong thiền đường và tôi đang có vấn đề chống đối người hướng dẫn. Tôi bảo anh ta rằng trong đây toàn là người lớn, không phải con nít. Chúng tôi lời qua tiếng lại một lúc cũng không đi đến đâu. Cuối cùng, tôi nói: “Nếu anh muốn tôi đi ra, tôi sẽ ra.” Anh ta đồng ý. Lúc tôi sắp sửa bước ra, Yogen, trưởng nhóm của nhóm tù nhân tu thiền nói rằng Scott là người hướng dẫn, do đó tôi lại ngồi xuống. Những tù nhân khác trong thiền đường phát biểu ý kiến. Tôi nói Scott hành động ấu trĩ. Anh ta đáp lại là một trong hai chúng tôi phải đi ra và tôi cứ ngồi ý ra, anh ta bỏ ra ngoài.

Sau khi Scott đi ra, tôi lắng nghe mỗi khi có tiếng bước chân trên bậc thang xuống thiền đường. Tôi nghĩ có thể anh ta báo cho nhân viên trại tù về những chuyện xảy ra và những nhân viên đang đi xuống kết tội tôi. Nhưng điều đó không xảy ra. Scott không trở lại thiền đường khoảng một tháng. Trong khoảng thời gian đó, tôi cảm thấy bất an, tôi cảm thấy thiếu thốn khi anh vắng mặt và hy vọng sự bất hòa của chúng tôi không phải là nguyên nhân chính cho sự vắng mặt của anh. Sau đó, tôi biết được sự vắng mặt của anh không phải vì lý do chúng tôi gây gổ.

Một tuần sau khi sự việc xảy ra, tôi trình bày cho thầy Kobutsu về sự việc này. Thầy nói thầy có biết về việc này và đã liên lạc với Scott. Thầy nói rằng cả hai chúng tôi đều có lỗi và chính thầy cũng có lỗi là

không loan báo trước với mọi người về việc để Scott thay mặt trong lúc thầy vắng. Thầy lại nói sự cãi cọ có thể là cơ hội cho hai chúng tôi quen biết nhau và chúng tôi có thể viết ra về những gì đã xảy ra.

Khi Scott trở lại, anh ta và tôi bắt đầu tìm hiểu về vấn đề đã xảy ra giữa chúng tôi. Trong thời gian này, Scott trở thành người Mỹ trắng độc nhất mà tôi từng quen biết. Tôi vui mừng vì nhờ sự tranh cãi mà chúng tôi bắt đầu thay đổi thái độ của chúng tôi đối với nhau. Điều này đem đến sự đồng tình, kính trọng, tình thương và lo lắng mà chúng tôi chưa bao giờ cảm nhận trước đó. Điều này giúp cho chúng tôi điều chỉnh lại quan điểm và chia sẻ với nhau mà không có một sự oán hờn hay ganh ghét nữa.

Tôi bắt đầu hiểu rõ ý nghĩa của câu “Sự sâu xa không thể so sánh và sự vi tế thì nhỏ nhiệm”. Những gì đã xảy ra giữa Scott và tôi thật sâu xa. Từ sự cãi cọ đó, tôi học được rằng khi chúng ta câu thông với nhau về cảm nghĩ và cảm xúc, chúng ta có thể vượt qua sự bức dọc và bất đồng. Xuyên qua sự xóa tan những giả vờ và nhận thức về vấn đề đang xảy ra, cánh cửa của trí tuệ siêu việt sẽ mở ra cho tất cả chúng ta.

SỨ GIẢ HÒA BÌNH

(Jarvis Masters)

Khi tôi thức dậy lúc sáng sớm chuẩn bị ngồi thiền, tôi cố gắng tưởng tượng tôi là một sứ giả hòa bình đang ở trong một khu xóm động loạn. Tôi hôm qua, một xà lim trông bên cạnh tôi vừa có một tù nhân mới vào. Hấn gào thét suốt đêm. Mặc dù tiếng gào thét của hấn quện vào giấc ngủ say của tôi, tôi nhất định không thức dậy, xem giống như mọi đêm khác.

Lúc này, ánh sáng bình minh bắt đầu lộ dạng qua cửa sổ đối diện xà lim của tôi. Tôi im lặng đặt tấm mềm xếp đôi lên nền tù lạnh. Người láng giềng mới của tôi lại bắt đầu gào thét: “Tao giết mày! Tao giết hết tụi bây, đồ chó đẻ, nếu tụi bây không thả tao ra!”

Tôi có thể thấy trong đầu là anh ta đang lắc những thanh sắt cửa xà lim tạo ra tiếng động. Tôi không biết là mình có thể ngồi tĩnh tọa trong khi những tiếng động âm ỉ của sự giận dữ của một con người đang vang rền khắp dãy tù. Thầy tôi, Rinpoche, đã có 1 lần gửi tôi một bài giảng của thầy, trong đó thầy nhấn mạnh đến sự an lạc mà thầy kinh nghiệm khi ngồi tọa thiền ở phi trường, trong lúc chờ những chuyến bay trên lộ trình bận rộn.

Ước gì tôi có thể nhớ lại tại sao thầy ấy thích như

vậy! Tôi quyết chắc có thể tìm được lời giải đáp ở trong những lời dạy của thầy: không lãng phí thời giờ trong việc thực tập thiền quán. Tôi thực tập tu thiền theo lối này. Thường thường tôi có thể ngồi tĩnh tọa với những tiếng động bao quanh, thế nhưng không có gì vừa ồn ào lại vừa gần sát bên như tiếng những thanh sắt rung chuyển giống như phi cơ phản lực vượt qua bầu khí quyển.

Tôi mới ngồi được vài phút thì gã ấy kêu với qua: “Ê, thằng bên kia, cho tao nửa điếu thuốc đó đi!”

Hà! Tôi nghĩ bài thần chú tôi bị gián đoạn. Tôi bỏ hút thuốc đã nhiều năm. Tôi tưởng tượng nếu có người hỏi Rinpoche câu hỏi tương tự khi thầy ngồi tại phi trường. Chắc họ không dám! Tôi chắt lưỡi trong im lặng.

Tôi ngửi thấy mùi thuốc hút từ một góc xà lim gần đó. Tôi đã quen với sự hút thuốc của những người tù chung quanh. Có những lúc tôi im lặng chấp nhận mùi thuốc lá buổi sáng như là hương nhang của nhà chùa. Mỗi điếu thuốc thắp lên, bầu không khí trở nên một bàn thờ đầy hương khói để tôi ngồi thiền niệm hương bạch Phật.

Khi mà bức tường giữa tôi và người kẻ bên bắt đầu rung chuyển như đang có động đất, tôi cũng muốn kêu hấn dừng lại và bắt đầu vào việc tọa thiền. Nhưng hấn có thể xem đó là một sự khi dễ. Điều này chỉ biến tôi trở thành đối tượng cho sự giận dữ và sẽ

đem sự phiền hà cho cả hai chúng tôi. Cho nên tôi đã cố gắng kèm lòng, ngồi trên tám mền vẫn còn muốn nhắm mắt tọa thiền.

“Ê, thằng kẻ bên”, người bên cạnh tôi lại la lên, động vào tường. “Cho tao xin điều thuốc, hút một vài hơi. Ê, tao biết mày đang hút thuốc bên đó. Tao biết mày đang nghe tao nói!” Hắn tiếp tục vừa động vào tường, vừa la hét.

“Ê, ê!” Tôi la lên. Rốt cuộc, tôi không còn chịu nổi nữa và bây giờ tôi biết chắc rằng tôi không phải là Rinpoche. “Hê, anh không cần phải la hét và tiếp tục động lên tường từ sáng đến giờ giống như một thằng khùng!” Tôi bước đến cửa sắt, “Ê, không cần biết tên anh là gì, không phải tôi hút thuốc. Tôi không hút thuốc. Tôi bỏ hút thuốc đã nhiều năm rồi. Mà giả như tôi có hút, xét lại thái độ của anh, la hét và động vào tường cả buổi sáng nay, anh hãy lo việc riêng của anh, giống như tôi vậy. Tôi chẳng cho anh một điều nào hết ».

“Ê, bạn.” Người đó cố gắng giảm bớt âm thanh. “Họ kêu tôi là Bosshog. Tôi chỉ cần hút một điều thuốc. Anh biết không?”

Tôi trả lời: “Tên tôi là Jarvis và tôi chỉ cần yên tĩnh. Anh tin tôi đi, Bosshog, tôi không nói là tôi cần yên tĩnh hơn là hiện nay anh đang cần thuốc lá, bởi vì tôi biết thuốc lá đem cho anh cảm giác thế nào! Nhưng mà động vào tường, anh đã lấy đi phần nào sự tự do của tôi, điều này chẳng hay tí nào, anh biết không?”

“Ok, nhưng mà anh có thể tìm cho tôi một điều thuốc không?” Người đó nài nỉ. “Có tr ời làm chúng, tôi cần một điều thuốc từ sáng đến giờ giống như người nghèo trong hỏa ngục cần nước đá!”

Tôi cười. Tôi thích cái lối mà anh ta diễn tả - chỉ có người nghèo trong hỏa ngục mới cần nước đá giống như thuốc lá. Tôi luôn luôn giữ những vật linh tinh để dành cho những người tù như Bosshog. Tôi sưu tập tạp chí và tiểu thuyết cũ, mua xà bông, kem đánh răng và thuốc rê loại rẻ tiền. Tôi đã th ệ nguyện làm việc này mười lăm năm trước, khi tôi mới đến San Quentin, đã phải dùng bơ của buổi điếm tâm để thoa vào chỗ da khô của tôi vì không có tiền để mua kem Firming Lotion bôi da.

“Tôi có thể tìm cho anh thuốc rê và giấy vắn”. Sau nhiều năm có nhiều “hàng xóm” thuộc đủ loại người, tôi có cảm giác rằng anh ta là một trong những thanh niên bị bắt vì đã hút xì ke hoặc vi phạm sự “tha bổng với điều kiện”.

Tôi nói thêm: “Nhưng mà anh phải yên ình và không làm phiền sự bình an của mọi người nữa. Anh có hứa với tôi không?”

Anh ta yên lặng một hồi lâu. Đây có ình là Bosshog là người biết giữ lời hứa. Loại người như anh rất hiếm: ít người tù mới đến nào mà biết suy ngẫm dù trong một giây để được một điều thuốc lá.

Cuối cùng, anh trả lời: “Ồ, được. Anh quả thiệt

làm khó tôi, nhưng tôi chấp nhận! Tôi sẽ giữ im lặng, đây là lời hứa.”

“Đợi tôi một phút.” Tôi bước đến phía sau, lục lọi trong cái thùng ở dưới giường ngủ, lôi ra một hộp thuốc rê, trong đó còn dư khoảng phân nửa. Tôi không muốn cho hết. Có thể là những người tù mới tới khác cũng sẽ dùng đến. Và lại, Boss ngần ngừ lâu như vậy trước khi đồng ý, chứng tỏ anh ta sẽ phải xin thêm nữa. Phải giữ lại một khúc, cho một khúc thôi.

Tôi nhìn chung quanh để tìm giấy bọc. Tôi có một quyển Being Peace (Giữ Bình An) của Sư ông Nhất Hạnh mà một người bạn gửi cho. Sau đó, tôi lại nhận được thêm một quyển nữa do nhà sách gửi đến. Tôi ngẫm nghĩ đem những trang sách đó bọc thuốc lại, mỗi lần một trang, chắc cũng không sao. Và lại, biết đâu thầy Nhất Hạnh có duyên với anh ta.

«Ê, Boss, anh có sợi dây đó không?»

«Tôi tìm được một sợi, chắc người tù vừa rồi bỏ lại».

Anh ta vội vàng ném sợi dây đến trước cửa xà lim của tôi. Tôi kéo sợi dây vào, sau khi buộc gói thuốc vào sợi dây, sau đó để Boss kéo nó về.

Anh ta tỏ vẻ vui mừng: “Ê, cảm ơn! Tôi thật cảm ơn điều thuốc này!”

“Không sao. Tôi sẽ gửi thêm cho anh, nghe không?”

Bosshog nói: “Được, tốt lắm!”

Ánh nắng mặt trời xuyên qua cửa sổ đã bắt đầu sáng chói, tôi chẳng còn bao nhiêu thời gian buổi sáng để ngồi thiền, nhưng trong tâm tôi khởi lên một niệm thì thầm là tôi đã làm một việc đơn giản như một sứ giả hòa bình. Boss giữ im lặng và những người tù khác cũng chẳng rầy rà gì việc anh ta vào ở trong khu này.

Những tháng sau, tôi tiếp tục gửi thuốc cho Boss mỗi ngày, luôn luôn bọc trong những trang sách Being Peace. Boss vẫn còn lã nhãi một mình nhưng tôi bắt đầu coi anh ta như một người em. Từng trang từng trang, anh ta bắt đầu thích thầy Nhất Hạnh. Thịnh thoảng, anh ta cũng cố gắng ngồi thiền, như anh ta đã từng thổ lộ: “Tập tọa thiền giống như anh!”

Mười tám tháng sau, Bosshog được thả ra khỏi trại tù San Quentin và khỏi sự lệ thuộc vào thuốc rê và Being Peace của tôi. Trước khi anh rời khỏi tù, anh đứng trước xà lim của tôi và chúng tôi cùng nhau đọc “bài thần chú” của Boss, những câu mà anh ta thường than vãn trước khi sắp “gào thét”. Chúng tôi luôn bắt đầu hát với nhau với những chữ: “Này bạn, này bạn!” rồi đến, “Nếu chúng ta hòa bình, nếu chúng ta an lạc, chúng ta sẽ mỉm cười và mọi người trong gia đình, trong toàn thể xã hội sẽ được lợi lạc từ sự hòa bình của chúng ta.”

THIỀN TẠI NEW YORK

Yogen Donald Wise

(Hội Elmira Correctional Facility, Elmira NY)

Tôi tên Yogen Donald Wise. Tôi là một người tu thiền, gần đây bị giam giữ tại trại cải tạo tiểu bang New York. Theo tôi, Phật giáo đã giúp cho tôi chuyển đổi tâm tánh. Xuyên qua sự thực tập tọa thiền, tôi có thể thấy được ánh sáng mặt trời trong địa ngục sâu thẳm. Tôi xin cảm tạ những vị tình nguyện dạy thiền trong những nhà tù New York như Thượng Tọa Yoshin Radin, Thượng tọa Kobutsu Malone, sư cô Saman Sodo và E-Kun Liz Potter.

Cuộc hành trình của tôi bắt đầu từ năm 1982 tại Trung tâm Cải tạo Auburn, New York. Lần đầu tiên tôi được biết Phật pháp qua sự giới thiệu của Thượng tọa Yoshin Radin, là vị tuyên úy tình nguyện ở trung tâm. Tôi nghĩ rằng tôi luôn luôn là người “tâm linh”, nhưng tôi không có nghị lực theo đuổi con đường đó một mình. Qua sự hướng dẫn của Thượng tọa Yoshin tôi tìm được một ánh sáng nội tâm mãnh liệt, đưa đến một niềm hân hoan khó tả. Ở Auburn, tôi không vắng mặt trong bất cứ buổi công phu nào và mỗi ngày đều thực tập tọa thiền trong xà lim của mình. Năm 1985, tôi được hân hạnh quy y Tam bảo và thọ giới, trong buổi lễ tôi được cho pháp danh là Yogen, và tôi đ

phát thệ suốt đời theo chân đức Phật. Sau khi thọ giới, cuộc hành trình của tôi bắt đầu mở rộng. Việc này giống như lần đầu tiên nhìn ngắm đóa sen trắng đang nở rộ. Lúc đó, tôi mới bắt đầu nhận thức được năng lực vĩ đại của sự tọa thiền. Đột nhiên, tôi thấu hiểu được ý nghĩa của câu: “Ngay cả những người mới thực tập tọa thiền lần đầu sẽ thấy được nghiệp chướng tiêu trừ...” Chỉ trong một buổi tọa thiền, chúng ta có thể nhìn được con người thật của mình.

Tọa thiền là một việc khó, nhưng trong thời gian dài sẽ đạt được thành quả tốt. Tôi đã được thành quả, sự chuyển đổi quả là một cái phao tâm linh đã cứu vớt đời tôi. Thiền tông và kinh nghiệm bản thân đã đem đến cho tôi một niềm vui “vĩnh hằng” mà chỉ bằng cách tìm chính mình trong sự tĩnh lặng. Bằng sự thực tập, chúng ta hiểu về những gì đang diễn biến trong tâm thức của chúng ta. Mỗi người đều có khả năng tĩnh lặng và chế ngự sự thống trị của bản ngã trong tâm thức chúng ta. Thực tập thiền quán đòi hỏi phải có sự chuyên chú sâu xa, nghĩa là tập trung nhìn rõ chân diện mục của mình, để được trạng thái an lạc hơn trong cuộc sống và có được một cái nhìn bình đẳng phổ quát xem người như chính mình. Đây là triết lý sống của người Phật tử.

Năm 1986, tôi bị di chuyển từ trại tù Auburn đến một trại tù khác, không có chương trình tọa thiền ở đây. Ở đó, tôi tiếp tục tự mình tu tập. Sau một thời gian ngắn, tôi cảm tưởng như bắt đầu “mất hứng” lạc

lõng. Không có tù nhân Phật tử ở đó và lúc bấy giờ, tôi cũng chỉ là một hành giả còn non nớt. Tôi nhận thấy, từ ngày tôi xa thầy và các bạn đạo đến giờ, hình như tôi đang thiếu thốn một nguồn sinh lực cho cuộc sống. Tôi bắt đầu sao lãng việc thực tập, bồi rối và không biết phải làm gì cho chính mình. Xuyên qua sự thực tập, chúng ta nhận rõ sự hoạt động của tâm thức. Khi chúng ta không thực tập nữa, tâm thức sẽ quay lại với những tập quán thường nhật của nó.

Trong cuộc sống hàng ngày, tôi bắt đầu có vấn đề, bởi vì tôi đã từ từ không còn “chuyên tâm” mà tôi đã đạt được trong sự thực tập vừa qua. Ba năm sau, tôi bị di chuyển về trại tù Sing Sing. Lúc đó ững chưa có chương tình tu thiền mà chỉ có một nghệ thuật “thur giản” nói chung. Nhóm thực tập tuy đông nhưng tình độ tâm linh tương đối thấp và chương trình cũng đang trên đà xuống dốc. Tôi tham gia vào trong nhóm và sau khi tham dự vài buổi họp mặt, tôi thấy rõ đây chỉ là những người đang chơi trò chơi tâm lý và phô di ễn bản ngã. Vài người trong nhóm muốn có một cái gì tốt hơn, phong phú hơn và có chất liệu hơn. Những người tình nguyện làm cố vấn cho chương tình quy ết định rút lui và xếp đặt mời thầy Kobutsu, lúc đó ờn là t ại gia, đến điều hành chương trình.

Nhóm học viên nói chuyện với Kobutsu về Phật giáo, về sự thực tập và kinh nghiệm bản thân. Thật là tuyệt vời, dưới sự hướng dẫn của một vị Phật tử thuần thành. Tù nhân lo thực tập phần nội tâm, còn Kobutsu

và E-Kun thì lo việc liên lạc với bên ngoài. Sau khi Kobutsu đến với chúng tôi được ba tháng, chương trình nghi lễ thiền tông Phật giáo bắt đầu. Lúc ban đầu, chúng tôi không có vật dụng gì, ngoài một tấm vải trắng phủ lên một cái bàn để làm bàn thờ. Kobutsu mua một tượng Phật nhỏ và chúng tôi đi tìm mấy tấm mền cũ xếp lại dùng làm tọa thiền. Chúng tôi bắt đầu với khoảng tám người nhưng đều là những người nhiệt tâm tu tập. Tôi vô cùng vui sướng, rốt cuộc đã có được một chương trình tọa thiền Phật giáo, tôi bèn tháo cái chuông nhỏ trong máy đánh chữ của tôi để làm cái khánh hay chuông tọa thiền.

Lúc đó, chúng tôi nhóm họp trong một căn phòng bề bộn của bệnh viện. Chúng tôi họp mặt lúc 6 giờ rưỡi tối thứ hai, ngồi thiền đến 8 giờ rưỡi. Khoảng sáu tháng sau, nhóm học viên trở nên đông đảo, gian phòng trở nên quá chật chội, chúng tôi bèn yêu cầu được sử dụng một gian phòng lớn hơn dưới hầm nhà thờ. Ở đó, chúng tôi có đủ chỗ thực tập cho hai mươi tu nhân. Mấy tháng sau đó, sự yêu cầu của chúng tôi được đáp ứng. Chúng tôi bắt đầu nhận sự đóng góp để trang trí thiền phòng. Món quà đầu tiên là một bức thư pháp do Hòa Thượng Eido Shimano Roshi, Trụ Trì tu viện Dai Bosatsu Zendo ở Livingston Manor, New York gửi tặng. Kobutsu và E-Kun đều là đệ tử của ngài Eido Roshi và có liên hệ với cộng đồng chùa Dai Busatsu Zendo. Nhiều món quà khác nữa cũng do những hội viên của Phật tử chùa Dai Busatsu gửi tặng.

Sư cô Saman Sodo quyên tiền giúp cho chúng tôi mua bò đoàn và tọa cụ ngồi thiền. Chúng tôi rất cảm kích đã cắt đi những tấm mền cũ và bây giờ được ngồi trên tọa cụ và bò đoàn rồi. Nhiều người trong nhóm đã phải chịu đựng sự đau nhức khi ngồi bằng mền và nhóm chúng tôi rất ca ngợi công việc khó nhọc của sư cô Saman. Chúng tôi thường xem sư cô như một vị thiên thần từ bi.

Tôi thành tâm cầu nguyện rằng quý sư và những vị tình nguyện đã giúp đỡ chúng tôi tu tập ở Sing Sing sẽ nhận được quả lành từ tấm lòng vị tha và thương yêu của các ngài. Chúng tôi sẽ tinh tấn tu tập đề đền đáp công ơn của các ngài. Tôi mong đợi một ngày trở thành một tu sĩ Phật giáo để có thể hoằng pháp phục vụ chúng sanh. Đây là những gì tôi kính ngưỡng và nguyện đem cả cuộc đời để phụng sự cho lý tưởng này.

Chân thành kính lễ tất cả.

ĐẾN VỚI THIÊN

(Thomas Haney)

Tôi không nhớ là đã từng bao giờ nghĩ tốt về chính mình hoặc là có khi nào mà tôi có cảm tưởng là mình không có vấn đề. Khi còn nhỏ tôi luôn luôn cảm tưởng khác thường. Đến năm tôi mười tuổi, tôi thường có những tư tưởng bạo động và lệch lạc. Từ đó trở đi, tôi thường làm tổn hại người khác và phá hủy đồ vật. Một mặt tôi thích những việc tôi làm. Một mặt tôi lại ghét những gì tôi làm. Tôi bắt đầu nghĩ rằng tôi là hai người khác nhau và bệnh tâm thần. Tôi không biết cách nào chấm dứt những ý tưởng bạo hành và nghĩ rằng tôi sanh ra để làm một người bạo động đáng khinh bỉ.

Tôi đã bị ở tù mười sáu năm. Cũng may, phần lớn thời gian đó, tôi đã bị giam vào một nhà giam đặc biệt có sự trị liệu nội tâm, đồng bạn thảo luận và trong vài năm gần đây, kết hợp với chương tình trợ giúp gồm 12 giai đoạn. Trong việc trợ giúp những tù nhân bệnh hoạn như tôi, trại tù này tương đối đầy đủ tiện nghi và quan tâm tù nhân bệnh hơn những nhà tù khác. Tôi cảm thấy mang ơn đã được giam trong nhà tù này. Tôi nghĩ rằng tất cả nhà tù nên có những chương tình tương tự và thật là hoàn hảo hơn nữa là các bạn nên tham gia tu tập các lớp Phật pháp.

Tại sao học các lớp Phật pháp quan trọng? Tôi nhận thấy rằng lý do chính mà chúng ta tôn thờ người khác là vì chúng ta ghét chính mình và cảm thấy trống vắng. Ngày nào mà tôi còn cảm thấy có một lỗ hổng trong tâm không thể lấp đầy, cái cảm tưởng “trống vắng” đó đưa chúng ta đến sự tìm kiếm những gì chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hạn “một quyền uy tối thượng”? Thế nhưng, tôi không bao giờ cảm thấy thoải mái với những gì được dạy hồi nhỏ về tôn giáo và Thượng đế. Bởi vì có những việc xảy ra lúc tôi còn nhỏ, tôi không thể nào dung hòa được cái mà tôi thấy như sự “ngụy trang” của nền tôn giáo Tây phương và sự mong muốn tin tưởng vào một “quyền uy tối thượng”, đưa đến việc tôi phải tự định nghĩa lại ý nghĩa của Thượng đế.

Tôi đã làm đi đều này nhưng vẫn chưa đủ. Tôi cảm thấy có những câu hỏi không được giải đáp, hình như còn thiếu thốn một cái gì đó. Tôi tiếp tục sự tìm tòi. Trong giai đoạn này, tôi đã đọc Thánh kinh từ đầu đến cuối; tôi nghiên cứu “Một khóa về Thần thông”. Tôi thực hành chương trình Mười hai giai đoạn. Sự tìm tòi đưa tôi đến trường cao đẳng thần học hàm thụ, trong lúc ở tù, tôi lấy được bằng Tiến sĩ Thần học, nghiên cứu về sự nghiệm nhập và cố vấn về 12 giai đoạn. Qua nhiều năm, tôi nhận thấy rằng ý niệm về Thượng đế và linh hồn có thể hiện hữu độc lập với những tổ chức tôn giáo truyền thống. Thế nhưng, tôi luôn luôn tránh né các học thuyết Đông phương vì tôi nghĩ rằng chúng

quá “huyền bí”.

Khoảng hơn bảy năm trước, một trị liệu viên từ Ấn Độ phát khởi sự thích thú của tôi đối với Phật pháp bằng cách đề nghị tôi một lối suy tưởng mới dựa trên sự thực tập. Tôi bắt đầu đọc thêm về Phật pháp. Khoảng bốn năm về trước một trị liệu viên khác bắt đầu một nhóm tu thiền, anh ta dạy tôi tọa thiền và tâm lý học Phật giáo. Anh ta đem đến nhiều sách vở. Tôi để ý vài đi ều. Thứ nhất tôi cảm thấy thích thú những gì tôi đọc. Thứ hai, tôi hiểu được nội dung và ngay cả những thuật ngữ tiếng Phạn và tiếng Nhật. Điều này chưa hề xảy đến cho tôi khi tôi nghiên cứu về Thánh kinh. Thứ ba, tôi bắt đầu nhận ra là những gì tôi đang đọc, tôi đã suy ngẫm và thực hành. Té ra, tôi đã học từ sự cố vấn bí ẩn cũng rất tương tự với lời dạy của đức Phật.

Theo thiền nghĩ c của tôi, có nhiều lý do để tin tưởng những lời Đức Phật dạy. Trong những tôn giáo Tây phương, có nhiều sự huyền bí (phép lạ, ảo giác, những câu chuyện khó tin được đem ra làm chứng cứ) hơn là trong Phật giáo. Đức Phật không biểu diễn phép thuật. Bằng cứ, trong câu chuyện một người mẹ xin đức Phật cứu sống đứa con đã chết. Đức Phật chỉ cho bà ta biết sự cầu mong phép lạ chỉ đưa đến sự khổ đau; thay vào đó, ngài giúp cho bà ta bằng cách chỉ ra rằng sự chết là luật vô thường phổ biến và hiển nhiên, và nhờ vậy, giảm thiểu nỗi đau khổ của bà ta. Một lý

do khác để tôi tin Phật pháp là đức Phật không bao giờ tuyên bố rằng ngài là vị thánh mà chỉ là một con người bình thường như chúng ta. Ngài không tự nhận là một vị trời. Khi chết, ngài cũng không trở thành một vị trời. Và lại, ngài tuyên bố tất cả mọi người ai cũng có thể giác ngộ giống như ngài. Những điều này đều rất quan trọng đối với tôi.

Những gì tôi học được từ những tôn giáo Tây phương là tôi đã là một kẻ hạ cấp, xấu xa và tội lỗi chỉ vì được sanh ra, đơn giản như vậy. Tôi được dạy là tôi phải lệ thuộc vào vị nào đó vĩ đại hơn và có quyền lực hơn tôi, để chấm dứt sự đau khổ của tôi, được cứu rỗi, và sau khi tôi chết tôi sẽ được nhận vào thiên đường. Đối với vài người Ky tô, bởi vì những hành động của tôi (phạm pháp), tôi không bao giờ là “toàn thiện”. Tôi bị kết tội phải nhận chịu những sự trừng phạt ghê gớm hay còn tệ hơn nữa, bị đày xuống hỏa ngục đời đời mà không được cứu vớt.

Thay vì nghe rằng một người xấu như tôi, vì đã có những ý tr ởng bạo động và tổn thương người khác, thay vì nghe rằng một người như tôi chẳng bao giờ sửa đổi được, tôi lại được nghe là tôi có thể thay đổi, giống như đức Phật, một người bình thường mà ngài đã làm trước kia. Đối với tâm hồn Tây phương của tôi, đây là niềm hy vọng mà tôi tìm kiếm và cần thiết trong cuộc đời này. Mười giới (thập thiện) của Phật

giáo cũng tương tự như Mười điều răn, nhưng không có sự hăm dọa hỏa ngục và sự lên án. Hầu hết tôn giáo nói về việc chúng ta phải làm gì trong đời này cho (quả báo) đời sau. Phật giáo nhấn mạnh những gì chúng ta có thể làm để sống cho chính cuộc đời này. Sự tu tập của Phật giáo chỉ cho tôi cách nào để kiểm soát và chặn đứng sự bạo động và lệch lạc của tư tưởng bằng cách trì chú và thực tập thiền định.

Tôi thường đặt câu hỏi có phải đường lối giáo dục Đông phương khiến cho đứa trẻ có được những yếu tố phòng vệ tránh khỏi sự bạo động và thái độ lệch lạc sau khi trưởng thành. Tôi biết rằng nếu tôi hết lòng trì giữ những giới luật và học hỏi truyền thống Phật pháp, sẽ giúp cho tôi giảm thiểu cơ hội “ngựa quen đường cũ.”

Thực tập Phật pháp không phải là một hành trình dễ dàng cho tôi. Thời gian (ngồi thiền) dài, đôi khi, còn bị đau nhức. Chẳng hạn, tôi không cách nào ngồi kiết già được mà tôi phải quỳ để tọa thiền. Khi tôi bắt đầu ngồi, chỉ trong vài phút là toàn thân đau nhức. Chỉ ngồi khoảng hai mươi phút, khi đứng dậy cũng cảm thấy khó khăn, mắt cá đau buốt, hai đầu gối cứng đơ, bàn chân và ngón chân như bị vọp bẻ, và đôi khi, hai chân như không còn sức lực. Tôi thực tập, lúc siêng lúc lười, cũng đã nhiều năm, vậy mà vẫn chẳng tiến bộ gì nhiều. Sau đó, tôi phải thực tập thường xuyên và phải hơn một năm, tôi mới ngồi được thoải mái trong

ba mươi phút.

Về vấn đề tập trung, các bạn có nhớ một quảng cáo đã hỏi: “Liếm mấy lần thì đến điểm trung tâm của một viên kẹo Tootsie Pop?” Trả lời: “1, 2, cốp!” Trong tọa thiền, nó là: 1, 2 và tồ ð ắt đầu tán loạn. Sự tập trung vẫn còn là khó khăn lớn nhất của tôi khi tôi ngồi một mình. Điều này có thể phải mất nhiều năm tôi mới buông xả được tâm tán loạn.

Trong mười sáu năm ở tù, mười hai năm tôi làm cố vấn cho đồng bạn. Những năm qua, tôi cố gắng làm cho các bạn tù hiểu rằng sự chứng minh duy nhất của sự thay đổi là thay đổi hành vi. Hiện nay, tôi đang cố gắng làm cho bạn tù hiểu rằng tất cả vấn đề đều do chúng ta mà ra – tâm và những ý tưởng phát khởi từ tâm. Tôi bảo họ là một sự thay đổi về tư tưởng sẽ đem đến một sự thay đổi hành vi tốt đẹp hơn.

Mới đây, có một người hỏi tôi rằng “Có bao giờ những ý tưởng bạo hành và sự lệch lạc chấm dứt hay không?” Anh ta thường có những ý tưởng như vậy và thường giận dữ với chính mình. Tôi nói với anh ta: “Bởi vì phần lớn cuộc đời, chúng ta thường có những ý tưởng bạo hành, cho nên đôi khi chúng sẽ phát khởi. Điều quan trọng là đối phó với chúng thế nào? Tôi nghĩ rằng khi chúng ta có ý tưởng này, ắt phải có một lý do. Đây là một tín hiệu. Chúng cho ta biết rằng có cái gì đang xảy đến và chúng ta cần phải xem xét cẩn thận. Nếu chúng ta giận dữ với chính mình thì chúng

ta sẽ mất cơ hội tìm hiểu lý do tại sao mà chúng hiện khởi. Nếu chúng ta cứ tiếp tục giận dữ chính mình lâu ngày, tâm thức sẽ thay thế sự giận dữ bằng những gì nó thích: những ý tưởng bạo hành lệch lạc. Chúng ta lại sẽ nổi giận với chúng và cứ như thế, ý tưởng bạo hành, giận dữ, v.v... liên tục không bao giờ dứt. Đây là vòng xích bạo hành và khổ đau của chúng ta. Thay vào đó, chúng ta hãy khám phá lý do mà những vọng tưởng này hiện khởi. Điều này sẽ đưa đến trí tuệ và tình thương, thay vì sự giận dữ đối với chính mình.

Tôi thích trầm tư rằng Phật pháp như sự học tập “hành vi mới” của tôi, để thay thế những hành vi bạo ác cũ. Những gì tôi đang học là làm cách nào thực tập hành vi mới. Tôi đang thưởng thức những “hành vi mới” của tôi và tôi muốn trao nó đến người khác để giúp họ giải tỏa sự khổ đau của chính họ. Thật lâu rồi, tôi chưa hề có cảm tưởng này về bất cứ sự việc nào, nghĩa là muốn chia sẻ với người khác những vật trân quý. Đây là những lý do mà tôi muốn tu tập và xin được quy y, thọ ngũ giới.

Tôi cũng hy vọng rằng những người khác cũng nên tìm hiểu Phật giáo, bởi vì đức Phật không phải là thần, cho nên mọi người cũng không cần phải từ bỏ đức tin sẵn có mà cũng không cần phải xả bỏ những truyền thống Tây phương của mình.

Có những người trong chúng ta đã từng bạo hành, sự giam cầm tự nó sẽ không chấm dứt được vòng xích

của sự bạo hành. Chánh quyền không đem được những sự giúp đỡ mà chúng ta đang cần nhất là chấm dứt sự bạo hành. Chúng ta phải làm sao để cải đổi đường lối tư tưởng của mình. Điều này không phải dễ dàng. Những người bạn tù, nam hay nữ, may mắn sẽ được thả ra trong một ngày nào đó và thực sự muốn “cải đổi” chính mình thì sự tu tập Phật pháp sẽ là một lối sống, một lối đi dẫn đến sự an toàn và một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đối với những người bạn tù nào không còn nhìn được thế giới bên ngoài nữa (chung thân hay tử hình), thì tôi xin đề nghị thế này: nhà tù có thể giam giữ thân xác, nhưng họ không thể giam giữ tâm thức của bạn. **Đức Phật hứa rằng có phương pháp để chấm dứt sự khổ đau và điều này đúng với phía trong nhà tù cũng như phía ngoài.** Phật pháp sẽ giúp chúng ta sống sót mỗi ngày trong tù.

BUDDY ED CỦA TÔI

Steven W. Hawkins

Tôi gặp Edward Horsley lần đầu tiên năm 1989, lúc đó tôi mới vừa tốt nghiệp trường luật. Tôi mới đi làm chưa đến một tháng thì thấy mình ngồi trên chuyến phi cơ bay đến miền nam Alabama để biện hộ cho một tù nhân mang án tử hình. Khi tôi lái xe đến nhà tù và tự giới thiệu với nhân viên tiếp tân, tôi không có một ý tưởng nào trong đầu. Những tờ báo địa phương mô tả người mà tôi sắp gặp như là một con thú đáng sợ, kẻ sống bên ngoài nền văn minh của loài người. Tôi biết có một cô gái da trắng mười sáu tuổi bị giết chết bởi hai thanh niên da đen. Cả hai đều bị kết án tử hình và sau nhiều năm chống án, họ đã đi đến cơ hội cuối để chống án trong tòa án liên bang. Tôi được mời biện hộ cho một trong hai người.

Khi Ed bước qua cánh cửa phòng tiếp tân, tôi cảm thấy ngạc nhiên như nhìn 1 àm người. Đúng đó là một thanh niên mà người khác có thể tưởng là anh em sanh đôi với tôi: một người đàn ông nhỏ con, thấp người với một gương mặt trẻ trung. Ed đương nhiên không giống với những gì mà những tờ báo địa phương đã mô tả. Chúng tôi ngồi xuống và bắt đầu cuộc nói chuyện, tôi khám phá ra rằng người bạn mới của tôi tỏ ra một cái gì ảm áp và quan tâm. Chúng tôi

bàn về cuộc sống, gia đình, hy vọng và mơ ước, trải qua mấy tiếng đồng hồ. Khi buổi nói chuyện chấm dứt mà tôi vẫn có cảm tưởng là mới bắt đầu. Khi ra xe để lái về Mobile, tôi cảm thấy muốn ứa nước mắt, thắc mắc tại sao một người như Ed lại có thể bị kết án tử hình? Sau đó, qua sự dò xét, tôi đã tìm được lời giải.

Ed đã mang án tử hình mười ba năm, vậy mà tôi người luật sư đầu tiên đã nói chuyện với gia đình anh ta. Mẹ anh ta cho biết rằng Ed không bao giờ biết đến cha anh, người đã bị giết dưới bởi chính em trai của mình, lúc đó Ed còn đang ở trong bụng của bà. Sự kiện này khiến cho bà trở nên nghiện rượu, thiếu điều bị sảy thai. Đứa trẻ được sanh nhưng bị bệnh chậm phát triển. Sau khi đi học mẫu giáo chưa bao lâu, Ed bị té từ cửa sổ nhà anh, rớt xuống sân xi măng phía dưới. Khi Ed đang nằm đợi xe cấp cứu thì bị kính phong. Đến lúc tới nhà thương thì Ed đã bị mê mang cho đến nhiều ngày sau mới tỉnh lại.

Lúc đó, những gia đình da đen sống ở miền nam bị nạn kỳ thị chủng tộc không thể mong đợi nhiều trong sự chữa trị. Bệnh viện chỉ chụp quang tuyến phía trước đầu của Ed một lần, không thấy vết nứt bèn gửi Ed về nhà. Không hề cung cấp một phục vụ “sau khi bị thương” nào.

Ed bị kính phong cho đến khi anh khoảng hơn hai mươi tuổi và bệnh nhức đầu kinh niên vẫn còn theo đuổi anh ta. Anh ta không có sự thay đổi cá tính nào

đáng kể. Trước khi bị té, Ed là một đứa bé hăng hái và hoạt động, thích làm việc độc lập. Sau đó, anh ta trở thành chậm chạp, mệt mỏi và dễ bị người khác dẫn dụ. Anh trở nên nhút nhát và dễ dàng khiếp sợ bởi sự bạo hành xảy ra chung quanh, trong khu chung cư mà gia đình anh ở, cũng như những sự bạo hành xảy ra trong nhà anh. Anh nhìn thấy mẹ mình bị đánh đập bởi người bạn trai tàn ác; anh chứng kiến cảnh những người bạn bị chết trước mặt mình. Để quên bớt những sự hãi hùng, Ed bắt đầu rượu chè, hút sách vào năm 13 tuổi. Năm năm sau, anh trốn ra khỏi một trung tâm thiếu niên do sự thúc giục của một người bạn hồi nhỏ. Cuộc hành trình ngừng lại ở Alabama với một cái chết thảm thương của cô gái 16 tuổi. Tuy Ed không có án tích gì về bạo hành và vì anh quá sợ hãi những người đồng bạn, không dám ngăn cản họ giết hại, thế nhưng, anh cũng vẫn bị kết án tử hình.

Lần cuối, tôi gặp Ed khi mà bức màn được kéo lại và anh bị cột vào trong ghế điện vào tháng 2 năm 1996. Anh ta mỉm cười với từng người một, gật đầu nhẹ nhẹ, tỏ ý cho mọi người biết rằng anh rất an bình. Khi được hỏi muốn bày tỏ gì lần cuối hay không, anh đã xin được gia đình nạn nhân tha thứ. Kế đến, anh tha thứ những người bắt anh, quay nhìn tất cả những nhân viên chung quanh, nói rằng anh không hề oán hận gì họ. Cuối cùng, anh tha thứ người cai ngục. Gã đó có vẻ cảm động bởi sự đối xử cao thượng của anh. Kế đó, bức màn được kéo lại. Khi nó được mở ra trở lại, mặt

của Ed đã được phủ kín. Một công tắc được bật lên và luồng điện 2000 volts đã xẹt qua thân hình anh. Mấy ngón tay anh co giật lẩy bẩy trong không khí và một cuộn khói bắt đầu bốc lên từ chân anh khi da thịt bắt đầu bị cháy khét. Sau một khoảng thời gian tưởng chừng như vô tận, mọi việc đều kết thúc. Và lần nữa, tôi cảm thấy một sự đau đớn cùng cực.

Cái chết của Ed đã đưa đến cho tôi lý do đầu tiên tại sao tôi tha thiết vận động cho sự hủy bỏ án tử hình. Như nhiều thiếu niên da đen lớn lên trong cộng đồng, tôi có thể dễ dàng trở nên nạn nhân của ma túy, tội ác và bạo hành đang phổ biến trong hoàn cảnh mà tôi đang sống. Tôi được cứu thoát khỏi sự sa ngã này bởi sự khuyến răn của một nhóm người da đen. Họ không phải là luật sư hoặc bác sĩ, mục sư hoặc thương gia, mà họ là những tù nhân bị án chung thân tại trại tù Sing Sing ở Ossining, New York. Những người này giúp tôi hiểu rõ những lỗi lầm mà họ đã phạm khi bằng tuổi tôi; họ nung đúc cho tôi một sức mạnh nội tại và can đảm vượt qua mọi chướng ngại trên đường đời. Do ảnh hưởng tốt đẹp của họ đối với sự trưởng thành và phát triển của tôi, tôi đã từ một đứa trẻ hư hỏng, như Ed, kẻ đã trở thành một con số thống kê trong hệ thống pháp luật, để mà, năm mười tám tuổi tôi đã là một trong những học sinh năm thứ nhất ở trường đại học Harvard.

Cái chết của Ed đẩy mạnh nhiều lý do tại sao tôi

đôi kháng án tử hình và tôi ủng hộ cho thi hành án chung thân không ân xá với những đường lối an bình, thông cảm, tha thứ, hòa hợp và tìm cách sống trong sự dung hòa với người khác.

CÔNG VIỆC CỦA CHÚNG TÔI LÀ KỂ CHUYỆN

Helen Prejean

Thông điệp sâu xa nhất của mọi đức tin là mọi người chúng ta đều là anh chị em. Ấn tử hình nói với chúng ta rằng “ngoại trừ hẳn ra, ngoại trừ ả ra.”

Nếu chúng ta không giao tiếp với tử tù và thân nhân của nạn nhân, chúng ta sẽ không nghe được tâm sự của họ. Sự thật sẽ giải phóng con người khi họ có cơ hội nghe được nó. Và công tác của chúng ta là nói lên sự thật. Khi chúng ta nghe được những câu chuyện tử tù, người chết cũng bước đi được một bước. Vai trò của cộng đồng tôn giáo là hàn gắn những gì khó hàn gắn: tình thương cho những tử tù và những thân nhân của nạn nhân.

“*Hướng dẫn Thiền cho Tuyên úy trại giam*”: là quyển sách hướng dẫn phương cách thực tập thiền Phật giáo trong nhà tù cho tù nhân và những chuyên gia, tuyên úy hay nhân viên về cải tạo và pháp lý. Thiền là một trong nhiều trường phái của Phật giáo.

Thuật ngữ dùng trong sách thiền này lấy từ các ngôn ngữ Sanskrit, Pali, Hoa và Nhật. Chúng tôi sẽ không giải thích ý nghĩa sâu xa của mỗi từ mà chỉ trình bày những ý nghĩa thông thường của chúng.

Hiện nay Phật giáo phát triển mạnh trong các nhà tù Mỹ và khuynh hướng tu thiền này càng ngày càng phổ biến. Chúng tôi tin tưởng rằng quyển sách này sẽ giúp cho tù nhân tự tu tập thiền quán trong khi bị giam cầm và các vị tuyên úy có thể học để hướng dẫn.

Chúng tôi xin được hoan nghênh tiếp nhận những ý kiến và phản ánh từ các vị chuyên gia cải tạo về những kinh nghiệm của họ đối với tù nhân Phật tử. Hội Thiền Dẫn Thân (The Engaged Zen Foundation) sẽ rất hoan hỷ cung cấp sự trợ giúp về tâm linh cho các trại cải tạo và tù nhân theo từng trường hợp. Xin liên lạc với chúng tôi:

The Engaged Zen Foundation

Post Office: Box 213

Sedgwick, Maine 04676-0213 USA

Tel: (207) 359-2555

TRẠI TRỊ LIỆU

CẨM NANG VỀ NỘI LỰC VÀ TỰ DO CHO TÙ NHÂN

(Houses of Healing: A Prisoner's Guide to Inner Power and Freedom)

Robin Casarjian là Thạc Sĩ ngành Tâm Lý Học, Hội trưởng Hội *The Lionheart Foundation*, tác giả của cuốn *Houses of Healing: A Prisoner's Guide to Inner Power and Freedom* và cộng tác của *Power Source: Taking Charge of Your Life*.

Trong bức thư ngỏ của hội *Lionheart Foundation* năm 1993, Robin Casarjian có viết “Nếu tôi có thể làm bất cứ việc gì trên thế giới thì tôi sẽ làm những gì tôi đang làm trong trại tù.” Mười năm qua, sự yêu thích và nhiệt tâm của tôi đối với những công tác của *Lionheart Foundation* càng lúc càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Quyền *Trại Trị Liệu: Cẩm Nang về Nội Lực và Tự Do Cho Tù Nhân* đã được ấn hành, bằng tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha và hơn 75000 quyển đã được phân phối cho các trại tù khắp nước Mỹ. Hiện nay, để đáp lại những lời yêu cầu và sự cần thiết, *Lionheart* đã ấn hành quyển *Nguồn Năng Lực: Làm Chủ Cuộc Đời Của Chính Mình*, một cuốn sách cho những thanh thiếu niên dễ phạm tội biết làm chủ cuộc đời mình.

Tôi càng trở nên phân chấn khi tôi hướng dẫn những nhóm tù nhân để chọn con đường huấn luyện khó khăn để cải thiện tâm tánh. Nhiều tù nhân rất muốn thay đổi. Nhiều người không tìm tòi nhưng nếu họ có cơ hội được hướng dẫn, họ sẵn sàng dùng nhà tù như một sự cảnh tỉnh để học hỏi từ những lỗi lầm đã phạm. Tôi đã từng thấy những thành viên của băng đảng sau khi tham dự khóa học Trại Trị Liệu đã không còn hứng thú với băng đảng nữa. Tôi cũng thấy những người rất dễ bạo động không còn chọn sự bạo động khi đương đầu với thử thách. Tôi cũng thấy những người đã bỏ bê con cái bắt đầu thiết lập những mối quan hệ tình cảm, biết chăm sóc gia đình. Đây là một điều may mắn cho những người hướng dẫn chương trình chuyển hóa tù nhân.

Khóa huấn luyện cơ bản này chủ ý là cho tất cả những người liên quan đến việc cải tạo trong hệ thống nhà tù như: tâm lý gia, chuyên viên xã hội, trị liệu vật lý, sức khoẻ tinh thần, cố vấn về lạm dụng ma túy và cả giới tăng sĩ. Tất cả những chuyên gia sau khi suy nghiệm đã cho biết rằng họ sẽ giới thiệu chương trình này đến cho những người khác.

Chương trình Trại Trị Liệu đương đầu trực tiếp với nguyên nhân của tội ác, bạo hành, nghiện ngập và cung cấp một đường lối thực tiễn cho sự trưởng thành tâm lý trực tiếp cho các nam nữ tù nhân. Chương trình trợ giúp tù nhân bằng cách trình bày các vấn đề như sự đau khổ lúc trẻ thơ, sự bi thương, kiểm soát sự nóng

giận, đối diện với hậu quả của tội ác; chương trình cũng cung cấp những phương pháp đối trị sự lo âu, những đường lối thích ứng tự nhiên và liên hệ sâu xa với sự cần thiết của lòng tha thứ cho mình và người khác, bồi dưỡng lòng cảm thông, trưởng thành sự xúc động và tâm linh.

Công tác nhà tù của tôi bắt đầu năm 1988 khi tôi được mời đến để thuyết minh vài lần về chủ đề Tha thứ. Buổi sáng hôm đó, khi tôi lái xe đến nhà tù, tôi phân vân không biết có được mấy người tình nguyện đến tham gia buổi giảng này. Lúc đó, số tù nhân ở MCI-Gardner là 700 người và khi tôi đến giảng đường thì đã có 120 tù nhân đang chờ tôi khai mạc.

Tôi cảm thấy rất cảm động với sự nhiệt thành của họ. Họ có nhiều câu hỏi đầy ý nghĩa, đề nghị những ý kiến sâu sắc và chia sẻ những ước muốn và những kinh nghiệm với tôi và với người khác. Tôi cảm thấy ngạc nhiên bởi số người đông đảo ở lại sau buổi giảng, ước ao được học hỏi.

Tôi đã vô cùng cảm động và phấn chấn bởi sự nhiệt thành hôm đó, tôi biết rằng tôi sẽ tiếp tục hướng dẫn tù nhân về các vấn đề đầy thử thách này như giận dữ, mặc cảm, hối hận, hổ thẹn, tha thứ kẻ khác và cốt tủy của sự chữa lành tâm lý là sự tha thứ chính mình. Tôi quyết chắc là các tù nhân sẽ hăng hái sử dụng thời gian trong trại tù như một cơ hội chữa trị, nếu họ được hướng dẫn và khuyến khích.

Từ ngày hôm đó, tôi đã di ễn giảng cho hàng trăm nam nữ tù nhân trong nhà tù và đã hướng dẫn nhiều khóa học dài 7 cho đến 15 kỳ giảng chủ đề “Nhận thức Tâm lý/Chữa trị Tâm lý”. Tôi cũng tổ chức khóa học dài một năm có các tù nhân chung thân và dài hạn. Khóa học Nhận thức Tâm lý/Chữa trị Tâm lý đã là một điểm quan trọng cho sự chuyển đổi của nhiều học viên. Như một bạn tù có nói: “Khóa học này cho tôi một cái nhìn mới và một hướng đi mới. Nó rọi ánh sáng vào một thế giới đen tối.”

Không phải tất cả mọi người ghi danh cho khóa học với mục đích được lợi ích. Sau buổi giảng đầu tiên, một người đến trước mặt tôi nói: “Tôi ghi danh vào khóa học của bà để chứng tỏ rằng bà sai” Tôi bảo ông ta cứ tự nhiên kiên nhẫn học. Tôi yêu cầu ông ta đến trong thái độ cởi mở. Sau khi khóa học bế mạc, ông ta cảm thấy buồn vì khóa học chấm dứt. Ông nói khóa học giúp ông thích ứng với đời sống trong tù. Ông cảm tưởng tự chủ hơn. Bệnh bạo động của ông giảm bớt. Ông đối với vợ con tử tế hơn, thẳng thắn hơn. Ông ta bắt đầu tìm được sự bình an tâm linh mà ông đã đánh mất bao nhiêu năm nay.

Khóa học hướng dẫn cụ thể cách nào để đương đầu với áp lực, chuyển đổi sự giận dữ và bất mãn đã ăn sâu vào đời sống nhà tù. Lần đầu tiên, nhiều người tham dự tìm được sự an toàn và có hướng đi để bắt đầu nhận thức và chữa trị những vết thương tâm lý đã

tạo sự nghiện ngập, bạo hành và hành vi tội ác của họ. Họ có một cơ hội học tập chăm sóc cho chính mình và người khác và cảm thấy tự chủ hơn trong cuộc sống. Nhiều người bắt đầu đi sâu hơn vào đời sống tâm linh.

Từ kết quả của sự nhiệt liệt hưởng ứng những khóa học, tôi đã thi ết lập Chương trình Nhà tù Lionhearts (hiện nay gọi là Chương Trình Nhận Thức Tâm Lý cho Tù Nhân Toàn Quốc). Mục đích của chương trình này là chia sẻ tinh thần và nội dung của khóa học Nhận thức Tâm lý/Chữa trị Tâm lý, đến càng nhiều các tù nhân càng tốt. Trong những trang dưới đây, tôi cố gắng giữ lấy cốt tủy của khóa học – tôn trọng, can đảm, lời dạy và ý tưởng mới, những bài tập “thực tế”, có câu hỏi để học viên tự phản chiếu và soi xét. Mục tiêu của chương trình là phân phối tám cho đến năm mươi quyển sách này, bằng tiếng Anh và tiếng Tây ban nha, miễn phí, cho mỗi nhà tù trong toàn quốc.

Trại Trị Liệu: Cẩm Nang về Nội Lực và Tự Do cho Tù Nhân dành cho bất cứ những ai cảm thấy muốn chuyển hóa. Thật sự, có nhiều tù nhân, cũng giống như nhiều người khác, ít khi, hoặc không bao giờ, thích thú trong việc tu dưỡng nhân cách hoặc trị liệu tâm lý. Nhiều người chưa sẵn sàng. Thế nhưng, sau bảy năm giảng dạy trong các nhà tù, tôi thấy rằng càng lúc càng nhiều người muốn được có sự hướng dẫn và đường hướng giúp cho họ sử dụng thời gian trong tù một cách hữu ích hơn. Nhiều nam nữ tù nhân không

tích cực trong việc tìm tòi sự chữa trị tâm lý, nhưng nếu họ có được sự hướng dẫn thích đáng, họ sẽ nắm lấy cơ hội.

Có thể bạn đang tìm cách an ủi sự đau thương và đau khổ của chính mình. Có lẽ bạn chỉ muốn có một sự giải tỏa. Chẳng hạn như Joe, một học viên trong những khóa học này, nói: “Khóa học này đã mở cánh cửa mà tôi mong muốn một cách tuyệt vọng được đến gần và tự mình mở cửa.” Tôi tin tưởng rằng nếu bạn mở những gì bạn tìm được ở đây, nhà tù có thể sẽ là “nơi trị liệu” cho bạn. Và, cũng giống như Joe, bạn sẽ càng ngày càng khám phá ý nghĩa chân thực của năng lực bên trong và sự tự do.

Có thể bạn đã dùng những thời giờ của mình trong việc trị liệu, tìm sự khai phóng tâm lý qua những chương trình như AA (Alcoholic Anonymous), hoặc NA (Narcotics Anonymous); hoặc nơi tuyên úy trong nhà tù, hoặc trong sự tư vấn cá nhân hoặc cố vấn tập thể. Tôi hy vọng quyển sách này sẽ giúp thêm và làm cho các bạn hứng khởi. Tôi cảm thấy rất vinh hạnh bạn đã chọn quyển này để đọc.

Có thể bạn chưa bao giờ đọc những gì trong t ự như ở đây. Có lẽ sự buồn chán hoặc tò mò đã làm cho bạn tìm đến với quyển sách này. Nếu bạn chịu khó đọc những trang sách này và tham dự vào những buổi thực tập, tôi nghĩ bạn sẽ khám phá rằng sự tò mò đã đem lại lợi ích cho bạn. Hoan nghênh tham dự vào cuộc hành

trình mới.

Tôi biết nhiều tù nhân không chịu tìm sự trợ giúp trị liệu bởi vì họ không có cảm tưởng tốt về chính họ. Troy, một tù nhân trẻ, nói: “Lần đầu tiên khi tôi thấy khóa học này, tôi nghĩ rằng tôi không xứng đáng để cải đổi chính mình. Tôi chưa bao giờ ở thích những gì tôi đã là và làm thế nào để sống trên đời.” Những người ghét bỏ chính mình thường nghĩ rằng họ không đáng sống một đời sống tốt đẹp. Họ nghĩ rằng họ không đáng làm bất cứ chuyện gì. Sự thật, tất cả chúng ta đều đáng được chữa trị và cảm nghĩ tốt đẹp hơn về chính mình. Trong trường hợp bạn nghĩ xấu về chính mình, tôi mong bạn hiểu rằng bạn xứng đáng trong sự nỗ lực cải thiện chính bạn. Bạn xứng đáng có một đời sống tươi đẹp, hy vọng và thương yêu hơn là những gì bạn đang có.

Nếu bạn tránh né việc học hỏi những gì mới lạ bởi vì gặp phải khó khăn hoặc bị trở ngại trong quá khứ, điều quan trọng nên nhớ là sự học không tùy thuộc vào số điểm mà bạn có trong trường học, hoặc sự thành công của bạn trong quá khứ. Nó tùy thuộc vào sự tha thiết học hỏi hiện nay. Bạn có thể học, nếu bạn có đủ kiên nhẫn với chính mình.

Nhiều người không đầu tư năng lực thiện vào chính họ, bởi vì họ có một mặc cảm rất thâm sâu. Họ tin rằng không còn gì đáng để quan tâm, dù họ có làm gì chăng nữa, cục diện cũng sẽ không khá hơn. Như

Julio viết: “Tôi luôn cố gắng đi tìm nguyên nhân tại sao tôi đây mặc cảm tội lỗi, sợ hãi sự thương yêu và tôi muốn biết tại sao những cảm xúc này đem đến cho cuộc đời tôi bị đắm chìm trong nghiện ngập, tù tội và ngăn chặn sự trưởng thành của chính mình. Trước khóa học này, tôi thường nghĩ rằng mình vô dụng, bởi vì tôi luôn luôn trốn tránh trách nhiệm và vì nghiện ngập quá lâu, tôi nghĩ rằng cuộc đời tôi chỉ có vậy. Thế nhưng, hiện nay tôi đã tìm ra phương cách để trị những cảm xúc đã đem đến phiền não cho tôi. Cuộc đời lại trở nên đáng sống.”

Nếu bạn đang bị tù tội, tôi hy vọng rằng quyển sách này sẽ hướng dẫn và khích lệ bạn. Thay vì làm cho tâm hồn chai đá và sầu khổ bởi sự giam cầm, bạn có thể dùng thời gian này để đánh thức con người thật của bạn, đào sâu vào năng lực tâm linh và sự tự trọng mà bạn chưa hề nghe qua hay cảm nhận được. Lúc đó bạn sẽ cảm ơn những gì quá khứ đã dạy bạn mà không cần phải tự đánh giá mình chỉ bằng những hành động quá khứ hoặc tiểu sử cá nhân. Bạn sẽ thấy có sự chọn lựa mới và mạnh tiến, khi biết rằng mình có thể sống một cuộc sống vui vẻ, thỏa mãn hơn. Dù đời sống tù tội khó khăn cách mấy, tôi biết rằng nhà tù có thể được chuyển đổi thành một căn nhà trị liệu cho bạn. Tôi đã nhìn thấy điều này xảy ra nhiều lần. Tôi cũng đã thấy điều này xảy ra cho những người không tưởng tượng nổi rằng cuộc đời họ có thể chuyển đổi.

Ngoài phân hướng dẫn và khích lệ, tôi cũng hy vọng quyển sách này sẽ đánh đổ những thành kiến và định hình về tù nhân. Ở xứ này, những cơ quan thông tin phô bày – và quần chúng nhận định - phần lớn tù nhân đều giống nhau. Thành kiến đối với tù nhân, cũng như những thành kiến khác, nghĩa là chúng ta xem những người mà ta đã có định kiến là thụ động và không thay đổi. Chúng ta quyết đoán rằng họ là xấu ác, là ngu si, bất thiện, v.v... Rồi cho rằng họ chỉ là như vậy! Khi chúng ta nhìn xuống kính kỹ thị, chúng ta không thấy người-đang-chuyển-đổi. Họ đang chuyển vào trạng thái khổ đau hoặc họ đang tiến bộ, học hỏi và trị liệu.

Nếu chúng ta vượt qua sự “võ đoán” và nhìn vào sức mạnh tiến bộ và trị lành của người khác, chúng ta phải bỏ đi những hình ảnh “tiêu cực” và có một tinh thần trách nhiệm trong việc đối xử của chúng ta đối với người khác. Nhìn các tù nhân như những người-đang-chuyển-đổi, chúng ta đối xử với tù nhân một cách nhân đạo và uyển chuyển hơn. Nói thật, những người biết quan tâm, trưởng thành, từ bi nhất mà tôi gặp là những tù nhân bị kết án chung thân và dài hạn. Nhiều người đã từng giết người. Họ đã phạm tội ác nhiều năm về trước và đã dùng thời gian để nghiên ngẫm về hành động của họ, ảnh hưởng hành động của họ, những cảm xúc và những sự hối hận sâu xa. Từ một quá khứ khổ đau, họ đã chuyển đổi cuộc đời để trở thành những người sâu sắc và nhân ái.

Có một nguồn năng lực hướng thiện và sức mạnh sáng tạo trong bạn mà mọi người đang cần bạn cống hiến cho xã hội. Nhưng trước tiên, bạn phải được hướng dẫn, mọi người cần phải được hướng dẫn, vượt qua những phán định sai lầm, tự giới hạn và nhỏ nhen thì khi đó bạn (hay bất cứ ai) có thể nhận thức và chọn lựa những đường hướng hướng thiện, xây dựng và chữa trị.

Tôi tin tưởng rằng nếu bạn kiên nhẫn, cởi mở và can đảm trong những bài tập đầy suy tư và phản tỉnh trong quyển sách này, bạn sẽ khám phá rằng nhà tù có thể và sẽ trở thành “Trại trị liệu” cho bạn. Kinh nghiệm về nội lực và tự do là sự chọn lựa và quyền lợi của chính bạn.

THỌ GIỚI TẠI NHÀ TÙ SING SING

E-Kun Liz Potter

Qua cung cách mà Henry đã biểu lộ trong ngày hôm đó, biểu thị cho chúng tôi biết rằng anh ta đã là một Phật tử. Buổi lễ thọ giới đem cho chúng tôi một cơ hội hiểu rõ hơn về con người Henry, những điều có thể khích lệ chúng ta trong việc thực tập tâm linh.

Điều tôi muốn nói là trong ngày hôm đó, đối với tôi, điều quan trọng nhất và ấn tượng mạnh mẽ nhất là sự hiện diện và cung cách của Henry.

Ngày 10 tháng 12, 1995, hai tù nhân tại nhà tù Sing Sing đã chánh thức quy y Tam bảo và thọ Ngũ giới. Eddie Artis xin lễ Quy Y và Henry trở thành những tù nhân thứ nhất trong chương trình Dharma Song ở trại tù Sing Sing yêu cầu được thọ giới sau thời gian hai năm huấn luyện. Thọ giới là một nghi lễ mà người thực tập chính thức trở thành một Phật tử thiên tông.

Bạn có bao giờ thấy một người đang là “sáng giá” không? Một người hoàn toàn sáng suốt, sống động nhưng lại hoàn toàn điềm tĩnh đoan trang? Không hề có một chút phân vân, lưỡng lự. Ít khi thấy được một người như vậy. Người đó làm cho bạn sững sờ, làm cho bạn nín thở, giống như có một mũi kim nhọn xuyên qua tim. Hôm đó, Henry cũng giống như vậy.

Những người quen biết Henry biết chắc chắn những sự kiện đang diễn ra trước mắt là từ đâu tới: tất cả những thời giờ mà anh đã thực tập trong hai năm qua, những giờ ngồi thiền mà đôi chân già nua rên xiết vì đau nhức.

Kinh nghiệm trải qua buổi lễ thọ giới của Henry cũng giống như nhìn vào sự chuyển đổi đưa đến do sự chuyên tâm tu tập thiền quán. Henry và Thượng Tọa Kobutsu ngồi đối diện nhau giữa thiền đường. Làn khói quỳện lên từ lò trầm hương đặt giữa hai người. Thiền đường đầy chật những Phật tử tù nhân của thiền đường Dharma Song. Vài người trong chúng tôi nhìn cúi xuống như trong lúc tọa thiền, yên lặng lắng nghe và trân trọng.

Giây phút thật thiêng liêng của con cháu thiền sư phát tâm về nguồn!

NHỮNG BỨC THƯ

Daniel

Bản tin thật hay! Tôi đưa các bạn tôi xem, ai cũng thích. “Quan điểm của Utecki” rất xuất sắc! Tôi hy vọng các trại tù liên bang sẽ cứu xét quan điểm đó! Tôi đang dự định có thể sẽ đi Tassajara sau khi ra khỏi tù.

Tôi đang duy trì tốt các hoạt động của lớp học Phật pháp. Theo sự hiểu biết của tôi, phần lớn là tĩnh tọa, đôi khi giảng chút ít từ những cuốn kinh sách khác, chẳng hạn như Tử Thư Tây Tạng của Sogyal Rinpoche. Đã hơn sáu tháng nay, tôi đang cố gắng tìm bộ đoàn tọa thiền cho nhóm tu tập. Cuối cùng vợ của ông Tuyên úy đồng ý may giúp cho chúng tôi.

Ồ, bức thư viết hôm qua đến nay chưa xong. Sáng nay tôi ra ngoài tập thể dục. Sau khi tập, tôi được biết bạn tù của tôi, tên là Douglas đã chết trong khi ngủ! Tôi thường hay làm việc với Douglas trong vườn, anh ta là một nghệ công rất giỏi – anh cũng là người khởi phát chương trình làm đồ chơi Noel cho trẻ em và các tù nhân dành thời gian của họ để làm đồ chơi bằng gỗ cho Noel. Douglas rất hiền. Thật là tiếc anh đã ra đi. Trại tù khóa cửa tầng xà lim chỗ anh ta ở, thành thử tôi không vào được. Sau đó, tôi nghe là họ cùm tay thi thể của anh mãi khi đến nhà tù. Tôi cầu nguyện cho anh được bình an và đầu thai vào cõi lành. Tôi đã thực

tập pháp phowa, điều này đem tôi đến với chủ đề mà tôi đang muốn điên cái đầu - thực tập phương pháp nào? Phần lớn tôi tu tập theo phương pháp Tây Tạng, từ khi tôi gặp ngài Karmapa vào đầu thập niên 70 nhưng tôi chưa bao giờ học hỏi giống như hiện nay. Hiện giờ tôi bắt đầu thực tập tọa thiền.

Tôi không muốn dài dòng, nhưng hình như tôi đang mất phương hướng! Sự thực tập chính của tôi là tọa thiền. Rất khó mời được giảng sư đến chỗ này! Tôi đã viết gửi nhiều nơi, xin ai về tổ chức khóa tu hoặc là chương trình Huấn Luyện Shambala. Tôi cũng muốn ôn thọ Tam Quy.

Đạo trước chúng tôi có khoảng mười học viên học Phật, hiện nay có hai người Thái, hai người Nepal và tôi. Kobutsu, dù sao chẳng nữa, tôi cũng rất cảm tạ những cao kiến mà anh đã ban phát và tôi cũng rất cảm ơn đã được có tên trong danh sách trao đổi thứ tín (mailing list) của anh.

Đạo hữu Daniel thân,

Cảm ơn bức thư của anh. Rất vui nghe anh thích Bản Tin của chúng tôi. Tôi nhận thấy bức thư của anh cởi mở và hữu ích, cho nên muốn đăng vào phần lá thư tòa soạn trong kỳ phát hành Bản tin Mùa thu.

Tôi cảm thấy rất buồn khi nghe tin bạn anh, Douglas đã mất. Xin hãy gửi tôi một tiểu sử ngắn, tên, ngày tháng và nơi mất. Tôi sẽ để vào phần cáo phó

cho những người chết trong tù và cho những bạn bè thân thiết bên ngoài hay tin.

Điều anh muốn hỏi “thực tập phương pháp nào” thật là đúng lúc, và đây là những đề tài khó mà tù nhân thường gặp phải. Sự tù tội khiến cho nhiều người, với nhiều lý do, truy tìm sự giải thoát tâm linh.

Hiện nay, mọi người phải đương đầu với sự lựa chọn giữa các trường phái khác biệt. Đây là điều chưa từng có trong lịch sử. Trong quá khứ, do vì sự giới hạn trong phạm vi quốc gia, địa phương, tôn giáo, xã hội hay gia đình mà đưa đến sự lựa chọn một trường phái tu tập. Hiện nay, trong thế kỷ thứ hai mươi mốt, phương tiện truyền thông đại chúng vô cùng phổ biến hiện đại gần như tất cả trường phái đều có thể được chọn lựa.

Có lẽ tốt hơn nếu chúng ta xem xét phương diện “vật chất hoá tâm linh” của quan niệm cho rằng chúng ta có quyền lựa chọn trong mọi vấn đề tâm linh như lựa chọn một cái bánh. Khi nào chúng ta còn bận rộn với việc “lựa chọn”, chúng ta không thực tập thật sự, mà là chúng ta đang ngồi bên lề [của sự việc] bận rộn “lựa chọn”. Đó là những điều chúng ta có thể làm được. Trên thực tế, trong khi đang bị giam cầm, chúng ta không có nhiều sự lựa chọn một trường phái đặc biệt nào đó, nếu không có những bậc đạo sư hướng dẫn. Dĩ nhiên, chúng ta có thể đọc về nhiều trường phái của Phật giáo và rất cảm kích về những kiến thức

mà ta thâm nhận được, thế nhưng, nòng cốt của vấn đề nằm trong sự thực tập, đó là chỉ “Ngôi”, và “Yên tĩnh mà thâm nhập thâm tâm”.

Tôi có thể hiểu rõ cảm nghĩ của bạn thích hợp với thiền trong quan điểm đây là một đường lối thực tập mà bạn gặp được, giả như có một nhà sư Cao miên nào xuất hiện và bắt đầu chỉ dạy tại trại giam của bạn, tôi nghĩ bạn lại sẽ bị lôi cuốn vào việc thực tập Phật giáo Cao miên, phải không?

Kobutsu

Hội Thiền Dẫn Thân kính mến:

Xin chào! Tôi tên là Steve, tôi đã bị kết án mười hai năm, hiện nay tôi đã ở tù được năm năm, trong trại tù ở Colorado.

Tôi đang học tập Phật pháp và đặc biệt là thiền, đã được chín tháng nay. Tuy vẫn còn mới mẽ, nhưng có vẻ hợp lý và đem đến cho tôi một sự an tĩnh mà tôi chưa từng kinh nghiệm qua. Ban đầu, tôi chỉ học tập qua những kinh sách mượn ở thư viện nhưng hiện nay nhờ sự giúp đỡ của các bạn mới quen qua thư tín, tôi đã mở rộng tầm mắt của mình.

Trong khi tôi càng lúc càng mở rộng nhiều kiến thức, nhưng tôi vẫn khao khát tu tập và mong mỗi được thực tập. Nhiều bài trong bản tin [tập san] ấn hành đầu tiên của Hội Thiền Dẫn Thân đã gọi cho tôi sự chú ý là vào một tu viện để tu tập sau khi tôi được

tự do. Tôi thường nghĩ có thể đây là điều cần thiết cho tôi sau này.

Có việc gì cần giúp, tôi sẽ sẵn sàng làm công quả cho hội.

Steve

Đạo hữu Steve thân,

Cảm ơn bạn đã tỏ ý trợ giúp cho Hội. Nếu tập thiền có ý nghĩa sẽ đưa đến an ãnh, xin bạn hãy tìm mọi cách nghiên cứu thiền sâu xa hơn. Nhưng nếu bạn quyết tâm “sống thiền” thì bạn phải tự mình khám phá ra là thiền chẳng có lý lẽ gì cả và thực tập thiền cũng chẳng thể gọi là an ãnh! Ý niệm muốn vào tu viện để tu tập rất đáng được tán thán và cũng rất dễ hiểu, thế nhưng, cần phải có một sự chuẩn bị rất cẩn thận. Người bình thường trên đường phố vào trong tu viện sẽ không chịu nổi quá một tuần. Đời sống tu viện rất nghiêm khắc! Bây giờ tôi đề nghị bạn chú ý một việc là phải thực tập thường xuyên. Thực tập một mình là đi ều khó khăn, nhưng phải làm sao? Tất cả những gì tôi nói đây chỉ là đề nghị: bỏ xem tivi (làm cho đầu óc bết tán loạn), bắt đầu thực tập thiền trong xà lim mỗi ngày, hai lần một ngày, mỗi lần 30 phút. Bài hướng dẫn cho tọa thiền rất đơn giản, xem cuốn Gateway số thứ nhất, những căn bản đều ở trong đó. Đây là nguyên tắc:

Ngồi xuống, im lặng, giữ tâm lặng yên như nước

lóng bùn.

Tụng Mười Giờ (Thập Thiện) và áp dụng vào cuộc sống. Hãy rộng rãi, đây là đi ề bạn có thể làm được! Hãy kiên nhẫn, mọi việc đều có thời gian tính. Hãy cần mẫn, làm việc siêng năng, đừng bỏ cuộc. Làm thiện, tránh ác. Và còn nữa, thỉnh thoảng hãy liên lạc với chúng tôi!

Chúc bạn thành công..

TẬP THIỀN TRONG TỰ

Kobutsu Malone

“Hãy thực tập làm hải đảo tự thân, biết nương tựa nơi chính mình mà đừng nương tựa vào ai khác. Phải thực tập nương tựa vào hải đảo chánh pháp, biết nương tựa nơi chánh pháp chứ đừng nương tựa vào một hải đảo nào khác hay một ai khác”.

(Kinh Hải Đảo Tự Thân, số 639, Tập A Hàm)

Tôi nghe nói mỗi buổi sáng trong thiền viện thỉnh thoảng tụng bài kinh này. Vậy câu kệ trên có ý nghĩa gì?

Thiền Phật giáo là một truyền thống dựa trên lời dạy của đức Phật Thích Ca, từ hai ngàn năm trăm năm về trước. Đức Phật là một con người, sanh làm một hoàng tử trong một vương quốc, hiện nay thuộc về vùng đất Nepal và đông bắc Ấn Độ. Ngài sống lên trong nhung lụa và sự giàu sang. Ngài có tất cả những gì mình muốn và không phải lo lắng bất cứ chuyện gì. Chung quanh ngài là những nhân vật anh hùng hào kiệt cùng những cung phi mỹ nữ vô cùng diễm lệ. Mặc dù sống trong hoàn cảnh như vậy, ngài vẫn vô cùng quan tâm đến sự vô thường và đau khổ của cuộc sống. Ngài đã bỏ cung điện, từ bỏ ngôi vua và tất cả tài sản để đi tìm cầu chơn lý.

Sau khi từ bỏ tất cả, ngài đi tìm thầy học đạo. Ngài đã tu tập với những vị đạo sĩ và đạt đến trình độ “Vô sở hữu xứ định” và “Phi tướng phi phi tướng xứ định” nhưng vẫn chưa đạt đến giác ngộ. Sau đó, ngài tham gia vào nhóm của năm anh em Kiều Trần Như, sáu năm thực tập khổ hạnh như là một phương thức đạt đến sự giác ngộ tâm linh. Một hôm, bị kiệt sức vì đói, ngài quyết định rằng phương pháp tự hành xác không phải là mục đích mà ngài muốn tìm. Lúc đó, ngài chỉ còn da bọc xương, gầy như thoi thóp thì có một cô gái đi ngang qua, cúng dường ngài một bát cháo sữa. Ngài thọ nhận sự cúng dường, ăn xong ngài cảm thấy phục hồi sức lực. Ngài nhận ra rằng có con đường trung đạo tránh hai cực đoan (hưởng lạc hay khổ hạnh) sẽ đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn.

Ngài từ bỏ phương pháp tu khổ hạnh và từ từ khôi phục lại sức khỏe. Ngài bắt đầu quán sát chính mình bằng cách soi chiếu nội tâm. Ngài ngồi kiết già và chuyên tâm vào thiền định. Ngài nhận xét rằng hơi thở là một sự vận hành thường trực có thể quán xét liên tục. Nhận xét như vậy xong, ngài chuyên chú quán niệm hơi thở của mình. Một buổi sáng, sau khi thiền quán suốt đêm, ngài nhm lên vòm tr ời, vào canh ba khi sao mai vừa mọc, trong khoảnh khắc đó, ngài hoát nhiên đại ngộ. Ngài đ ể ch ứng ngộ được lý Duyên khởi, bản tâm chân thật của mình.

Thiền quán là một kinh nghiệm giác ngộ của đức

Phật. Thật ra, thực tập thiền là sự khám phá Phật tánh vốn có của chúng ta và điều này đưa đến kinh nghiệm chứng ngộ. Thiền là sự tỉnh giác, trực nhận bản tánh tức là Phật tánh, là sự giác ngộ chơn tâm.

Thiền Phật giáo, không tôn thờ sự chứng ngộ của đức Phật như là thành quả của một cá nhân độc nhất. Giác ngộ là trọng tâm của sự thực tập thiền và thiền có thể thực hiện bởi bất cứ người nào, ngay trong đời này, trong hoàn cảnh cho phép và bằng chính sự nỗ lực của chính mình, hải đảo của tự thân.

Giác ngộ là một sự bùng vỡ tâm thức vượt ngoài phạm vi kinh điển, sự hiểu biết thế gian và sự suy đoán ngôn từ. Như một truyền thống tôn giáo, thiền tông, khác biệt với những truyền thống khác, là không thờ phượng hay cầu nguyện Thượng đế hay bất cứ vị thần ngoại tại nào. Từ quan điểm của Thiền, không có một sự thực nào ngoài những gì đang hiện hữu trước mắt. Không có sự thực nào vượt ngoài bản tâm của chúng ta.

Nền tảng căn bản, cốt tủy không thể tách rời của Thiền là sự thực tập. Tọa thiền được ghép bởi hai chữ: tọa có nghĩa là ngồi, và thiền có nghĩa là sự quán chiếu trong tĩnh lặng. Sự thực tập thiền có thể được mô tả như “chỉ thẳng vào chơn tâm, kiến tánh thành Phật”.

Thực tập tọa thiền cho phép chúng ta nhận thức tiến trình của tư tưởng tĩnh lặng và sáng suốt. Sau thời gian tu tập, có kinh nghiệm nội tâm, chúng ta có bản

phận phải hoẵng truyền sự giác ngộ này. Phương tiện cho giai đoạn thực tập này gọi là hành Bồ tát đạo. Bồ tát là một chúng sinh “tiến bước trên con đường đạt đến giác ngộ.”

Bồ tát là một chúng sanh bốn tánh nhiệt thành và từ bi, thấu rõ sự quan hệ giữa tất cả hữu tình. Trong giai đoạn này mười điều giới của Bồ tát là công cụ sách tấn tinh thần trách nhiệm của mình đối với người khác và cũng là công cụ để tịnh hóa chính mình.

Mười điều giới như sau:

1/ Kính trọng và quan tâm đến tất cả mọi sanh mạng, con nguyện không bạo hành, không sát hại.

2/ Kính trọng tài sản người khác, con nguyện không trộm cướp.

3/ Hiểu biết và sáng suốt trong các mối quan hệ, con nguyện không tà dâm

4/ Ngay thẳng và đáng tin, con nguyện không nói dối

5/ Chăm sóc thân thể và tinh thần, con nguyện không tham ăn, không dùng chất kích thích say người.

6/Nhận thức sự im lặng là quý báu, con nguyện không bàn tán chuyện vô ích.

7/ Khiêm nhường, con nguyện không tự khen mình hay phê bình người khác.

8/ Thỏa mãn với chính mình, con nguyện không ganh ghét đố kỵ.

9/ Giữ cho tâm tĩnh lặng an hòa, con nguyện không sân hận.

10/ Với lòng kính trọng, con nguyện không bao giờ hủy báng Tam Bảo.

Sự giam cầm, mặc dù cấm chế sự tự do của thân xác, nhưng cũng cung cấp cho chúng ta một ít thì giờ tự do, nếu chúng ta quyết định phát triển tâm linh trong lúc bị giam cầm. Hãy dùng thời gian đó để thực tập tọa thiền. Thiền thực sự có hiệu quả và đưa đến những sự thay đổi sâu xa, khó tin khó dò, trong sự vận hành căn bản của tâm thức. Bước đầu tiên, phần khởi trong việc dồn năng lực để trở thành “tĩnh thức” trong một hoàn cảnh “hôn mê”. Có vài điều căn bản về phương pháp tọa thiền như sau:

1/ Dành một khoảng thời gian mỗi ngày cho sự thực tập. Tập vào lúc yên tĩnh nhất. Sự thật, đây là điều khó khăn khi sống tập thể, nhất là trong xà lim ồn ào, nhưng vẫn có thể tu tập được.

2/ Cuộn mền lại để làm bờ đoàn và nếu cần, thêm một cái mền thứ hai để trải làm tọa cụ phía dưới. Tìm chỗ để ngồi dưới đất, tốt nhất là ngồi đối mặt vào tường. Có nhiều thế ngồi như kiết già là tư thế hay nhất, nhưng không phải ai cũng làm được. Có nhiều thế khác, bao gồm bán già hoặc chỉ gác bàn chân lên đùi. Cũng có thể quỳ, nhưng cần phải đệm dưới đầu gối và mắt cá. Điều quan trọng là dù với tư thế thế nào, đầu gối phải tiếp xúc với mặt đất, ngồi trên bờ đoàn và lưng phải thẳng. Để hai tay lên đùi, bàn tay

phải ngửa lên và mu bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải. Hai đầu ngón cái hơi chạm nhau. Khoảng trống giữa hai ngón tay cái và hai bàn tay tạo thành hình trái soan, giống như thế ngồi của đức Bổn Sư.

3/ Sau khi ngồi vững vàng, bạn sẵn sàng bắt đầu. Đầu tiên, bạn nên giới hạn mỗi thời gian ngồi thiền từ mười đến mười lăm phút. Bắt đầu hít một hơi thở sâu, hít bằng miệng và thở bằng mũi. Làm ba lần. Giữ lưng thẳng giúp cho hơi thở được tự nhiên. Mỗi hơi thở đếm thầm một; hít vô, thở ra, đếm hai; hít vô, thở ra, đếm ba... cho đến mười. Sau đó lại bắt đầu đếm từ số một.

4/ Ý tưởng, cảm xúc và tình cảm sẽ hiện khởi trong lúc ngồi, quên mất sự thực tập, nên phải tập trung chánh niệm. Khi nhớ thì quay trở về sự đếm hơi thở liền. Tán loạn là điều rất bình thường xảy ra. Điều hay nhất là đừng làm gì hết. Nhưng không làm gì không có nghĩa là ti ếp tục hoặc tìm cách tránh né. Chúng ta chỉ cần tỉnh thức là hơi thở đang có mặt và tiếp tục trở lại việc đếm hơi thở của chúng ta.

5/ Thực tập sẽ rất khó khăn. Thiền không phải một sự trốn tránh. Bạn không thể ngồi thiền để trị sự nghiện ngập, thế nhưng thực tập thiền để được tự tại chuyển hóa vọng tưởng, ý tưởng, cảm xúc và tình cảm và từ đó làm chủ những thói xấu của mình. Thói xấu là do tập mà tập là do vọng. Thiền là dẹp vọng. Đây không phải là phương pháp dễ, nhưng cố gắng tập thiền sẽ có hiệu quả. Chắc chắn như vậy.

PHỎNG VẤN NGƯỜI TỬ TÙ JUSAN FRANKIE PARKER

(Jean Crume, ngày 11 tháng 4 năm 1996)

Jean Crume là chủ biên của tờ báo *The Ecumenical Buddhist* của hội *The Ecumenical Buddhist Society*, thành phố Little Rock, tiểu bang Arkansas, đã có cuộc phỏng vấn với người tử tù Jusan như sau:

Jean hỏi: Như tôi nhớ lại, anh yêu cầu một nhân viên đưa anh một quyển Thánh kinh mà lại nhận được một quyển kinh Pháp Cú. Anh có thể thuật lại câu chuyện và kết quả đã đem lại cho anh những gì?

Sujan trả lời: Tôi khám phá ra kinh Pháp Cú vào tháng 12 năm 1988 khi đang ở trong “xà lim biệt giam”. Lúc đó, tôi là một tên tù khủng điên, dễ ghét và ác độc. Tôi luôn luôn làm khó dễ mọi người. Nhân viên nhà tù phải giam tôi vào xà lim riêng biệt. Tôi đã la lối, gào thét, chửi rủa và đòi một quyển Thánh kinh là quyển sách độc nhất được cho phép đọc. Ban ngày họ đem dẹp tấm đệm chỗ khác, thành thử không có việc gì để làm. Tôi thường nện tay xuống sàng nhà để bày tỏ lòng thù ghét của tôi đối với tất cả mọi người đã làm cho tôi như vậy, còn không thì tôi ngồi đọc Thánh kinh. Người gác ngục muốn “chơi” tôi, liệng

một quyển kinh Pháp Cú vào mặt tôi, quát lên: “Đây là quyển sách thánh của mày!” Liệng xong, hấn cật tiếng cười và đóng ập cửa lại, làm tôi không kịp quăng trả lại. Tôi la lối, gào thét, một lúc sau, cảm thấy mệt mỏi, bèn ngồi xuống sàn và bắt đầu đọc quyển sách “ngoại đạo”. Ô! Đây là một món quà tuyệt vời nhất mà tôi đã từng nhận được. Sau này, có lẽ khoảng một năm sau, tôi đã ghen ngào cảm ơn người cai ngục đó đã tặng cho tôi món quà vô giá này. Người gác ngục ngạc nhiên, đương nhiên, nghĩ là tôi mất trí. Từ ngày đó, tôi đã sống một cuộc đời thích ứng với Phật tánh bản lai của mình. “Trong Phật có chúng sanh, trong chúng sanh có Phật.” Tôi đã giữ quyển kinh Pháp Cú và cách đây một tháng, tôi tặng nó cho một người bạn, một kẻ khác bắt đầu cuộc hành trình tìm chân lý. Quyển kinh Pháp Cú đã đưa tôi khát khao tìm đến những quyển kinh khác và càng lúc tôi càng khao khát về Phật pháp.

Lúc đầu anh thực tập những gì?

Tôi thường ngồi và cố gắng tĩnh tọa dựa trên những lời chỉ dẫn trong quyển “Tất cả Chúng ta đang Tu Tập” (We’re All Doing Time), một cuốn sách tâm linh cho tù nhân do Bo Lozoff soạn. Có một người bạn cho tôi địa chỉ của Roshi Robert Aitken ở Hawaii. Thế là Roshi Aitken gửi tôi một số sách. Tôi vẫn chưa thể ngồi kiết già và thỉnh thoảng tôi quay trở lại thực

tập đệm hơi thở. Sự thực tập của tôi có vẻ hợp với Thiên tông hơn là Mật tông, nhưng tôi thiết nghĩ tất cả đều dẫn đến cùng kết quả như nhau.

Phật pháp đã chuyển hoá anh thế nào?

Hiện nay tôi có một bàn thờ trong xà lim, trên đó thờ một tượng Phật cao 15 phân do cô Anna Coxăđ gửi tặng tôi. Tôi trang trí bàn thờ với bông giấy do tôi tự làm lấy và một bức ảnh của ngài Rinpoche Lama Tarchin, người đã truyền Tam quy cho tôi. Hiện nay, tôi xếp một góc tám đệm làm bồ đoàn và tôi thực tập tĩnh tọa hai lần một ngày, mỗi lần khoảng 25 đến 40 phút. Bốn giờ sáng là thời gian tốt nhất để ngồi thiền, đó là lúc yên tĩnh nhất trong dãy ngục tử hình này. Năm 1990, tôi quyết định xuống tóc xuất gia như là một sự bày tỏ niềm tin với Đức Phật. Tôi tin rằng điều này giúp tôi sống một cuộc sống thánh thiện theo Phật tánh của mình. Tôi cũng hy vọng rằng những tù nhân thấy tôi hàng ngày sẽ muốn được sống giống như tôi, nghĩa là một Phật tử thuần thành. Một điều tôi đã học được là: Nếu cạo đầu và ở trong tù suốt mùa đông thì khi trời nắng, ra ngoài phải nên đội nón. Nếu không đầu tôi bị phỏng!

Sự tu tập đã ảnh hưởng thế nào đến đời sống của anh trong tù?

Tôi cố gắng sống theo lời dạy của Đức Phật. Qua

sự tĩnh tọa, tôi học được tánh kiên nhẫn. Đây là điều quý nhất khi bạn sống trong hoàn cảnh tù tội. Hiện nay tôi cảm ơn nhiều hơn. Tôi thường thức từng giây phút hiện tại và tôi đã học được một điều quan trọng nhất mà một con người phải học - chết như thế nào để được bình an? Mỗi đêm khi tôi nhắm mắt ngủ, tôi nghĩ rằng tôi đang chết. Nếu tôi sớm bị hành hình, tôi sẽ chết với nụ cười trên khuôn mặt mỗi, già nua xấu xí của tôi. Người hành hình có thể không hiểu, nhưng bạn sẽ hiểu.

Chương ngại gì lớn nhất trong sự tu tập của bạn?

Ban kiểm duyệt của nhà tù là những người Gia tô cực đoan. Họ ngăn không cho tôi nhận những cuốn sách mà tôi đặt mua. Điều này làm tôi bứt rứt và bị thử thách. Tôi xem tất cả sự chương ngại đều là thử thách. Tôi đã thảo luận nhiều lần với họ và luật sư của tôi. Cuối cùng chúng tôi đã đạt đến sự thỏa thuận.

Tôi phải tranh đấu từng bước từng bước với ban quản trại và những nhân viên nhà tù. Tôi phải tranh đấu với gã cai ngục đã nói dối để giam tôi vào xà lim và hủy hoại hồ sơ của tôi. Hắn đã bị cách chức, không còn ở chỗ này nữa. Người cai kế đó đã nói với tôi những câu làm tôi cảm thấy vô cùng hãnh diện. Hắn nói hắn mong tất cả người tù là Phật tử nếu họ sống giống như tôi.

Anh có thể cho biết chút ít về vai trò của anh trong việc hoằng pháp?

Câu hỏi hay! Tôi từng nghĩ “Ngay sau khi giác ngộ, tôi sẽ đi hoằng pháp!” Nhưng tôi biết ngày đó còn quá xa, vậy tốt hơn là tôi nên làm một cái gì ngay bây giờ. Mọi người thấy tôi tập thái cực quyền trong sân tù. Họ thấy tôi an lạc với cuộc sống vì lúc nào tôi cũng mỉm cười. Đó là, thưa bạn, thế nào là hoằng truyền giáo pháp của Phật – “Cười lên, vui lên!” Có lần tôi đọc một cuốn sách trong đó đặt một câu hỏi: “Bạn phải hoằng pháp thế nào nếu đối tượng của bạn vừa mù lại vừa ngu?” – câu trả lời là ôm chầm lấy họ! Sự từ hòa, một vòng tay, một nụ cười, một ánh mắt có thể cảm nhận được. Phật giáo không phải là một tôn giáo hoặc triết học, cũng không phải là tâm lý hay khoa học, Phật giáo là một phương pháp để giải thoát. Tôi cảm nhận được giải thoát và chẳng bao lâu nữa tôi sẽ được giải thoát khỏi thế giới này. Khi tôi thay đổi, mọi việc thay đổi.

Cảm ơn anh đã bỏ thì giờ ra để trả lời những câu hỏi của tôi. Có điều gì anh muốn chia sẻ với các bạn tù đồng tu hay không?

Thưa có! Cảm ơn tất cả đã chấp nhận tôi vào gia đình của các bạn dù các bạn biết tôi là một con người - một sản phẩm tệ nhất của xã hội - vậy mà các bạn cũng tốt bụng đã chấp nhận tôi. Tôi tin rằng tôi không

làm các bạn thất vọng nữa. Tôi tin rằng cái chết của tôi sẽ để lại một bài học gì đó cho thế giới này. Tôi quy y Phật, Pháp và Tăng. Cảm ơn tất cả các bạn. Các bạn hãy bảo trọng. Sống bằng cách làm gương tránh xa điều xấu!

Hội “The Ecumenical Buddhist Society” là một tổ chức không vụ lợi, nhóm bạn đạo có trình độ và không thuộc hệ phái nào, mục đích phổ biến lời dạy của Đức Phật. Những đạo sư của các truyền thống Phật giáo đến với hội sẽ được hội hỗ trợ và mời giảng pháp. Nếu bạn muốn nhận thêm thông tin, xin liên lạc EBS Buddhist Center, Gans Place Carriage House, 1010 West 3rd Street, Little Rock, AR 72201.

TỬ HÌNH: GIÂY PHÚT CUỐI CÙNG

Kobutsu Malone

Tâm điều khiển tất cả các hành động. Mỗi hành động đều được dẫn dắt bởi tâm, được tạo tác bởi tâm. Nếu chúng ta nói năng hoặc hành động với tâm xấu, quả báo ác sẽ theo sau, giống như bánh xe lăn theo dấu chân con bò.

(Kinh Pháp Cú)

Vào ngày 08 tháng 08, 1996, tôi chứng kiến việc tử hình của người bạn và cũng là đồng tu, chú (tiểu) Jusan Fudo Sifu Frankie Parker. Đây là lý do tại sao lần xuất bản lần này của Bản tin Gateway Journal bị đình hoãn lâu như vậy.

Tôi biết đến Sifu Frankie Parker vào buổi sáng ngày 24 tháng 03, 1996, qua một bức thư, được in lại trong mục Thư Tín trong tập san này. Khi tôi đọc bức thư của anh lần thứ nhất, tôi cảm thấy, thoát tiên là một sự nghi ngờ, cuối cùng là kinh dị đến độ tê cứng người lại. Frankie đã viết thư cho chúng tôi hai tháng trước, trước khi anh ta bị đưa ra tử hình. Đây là một sự kiện hoàn toàn mới mẽ trong kinh nghiệm của chúng tôi. Anh ta đã bắn và giết ông bà xuôi gia của mình là

James và Sandra Warren, vào ngày 05 tháng 11, năm 1984. Anh ta sắp sửa bị xử hình vì tội ác này, thế nhưng, không biết tại sao, nội dung của bức thư đã gây cho tôi một ấn tượng vô cùng mạnh mẽ. Chúng tôi nhận hàng trăm bức thư mỗi năm từ các tù nhân ở các nơi trong nước Mỹ; chúng tôi cố gắng trả lời theo thứ tự thời gian và gửi một ít sách, hoặc đề nghị một vài ý kiến cho người viết. Frankie sắp sửa bị hành hình, thế nhưng trong thư anh không hỏi xin chúng tôi bất cứ ân huệ gì.

Tôi tạm thời để xấp thư hồi âm của các tù nhân khác qua một bên. Tôi viết thư cho Frankie gấp, anh được biết với tên Sifu. Tôi không biết là anh có chấp nhận hay không? Chúng tôi không muốn xen vào chuyện của anh ta, nhưng tôi muốn cho anh biết rằng chúng tôi quan tâm và sẵn sàng trợ giúp anh nếu anh ta cần đến. Nhiều ngày sau, tôi nhận được một cú điện thoại của Frankie. Anh ta không những không phiền hà mà còn vui mừng được chúng tôi hỗ trợ. Gần cuối câu chuyện, anh nói rằng anh dự định khi tử hình không cần có sự hiện diện của một cố vấn tâm linh nào, nhưng nay được sự hỗ trợ của chúng tôi, anh rất hãnh diện có tôi bên cạnh. Tôi liền đồng ý không chút do dự. Cuộc đời hai chúng tôi thay đổi và gắn chặt nhau từ lúc đó. Có nhiều điều nữa là tôi có thể ghi ra ở đây. Tôi được yêu cầu viết một quyển sách về kinh nghiệm của chúng tôi với Sifu, và trong buổi thảo luận đó, tôi sẽ trình bày về sự ảnh hưởng của một cố vấn

tâm linh Phật giáo đối với một tù nhân bị tử hình.

Tháng sau đó, E-Kun và tôi cố gắng vận động quần chúng yêu cầu Thống đốc tiểu bang Arkansas ân xá cho Frankie và đổi án tử hình thành chung thân khổ sai không ân xá. Chúng tôi đã bỏ rất nhiều thì giờ trong việc kêu điện thoại đến nhiều nhân vật lớn trên thế giới, viết rất nhiều thư kêu gọi. Chúng tôi kêu gọi mọi người đóng góp vào quỹ vận động và giúp phương tiện để chúng tôi đến Arkansas. Sự hao tốn của cuộc vận động này thật lớn lao, không chỉ trên phương diện tài chánh mà còn trên phương diện tâm lý bị căng thẳng. Chúng tôi luôn luôn hiểu rõ sự quan trọng của vấn đề, một mạng sống con người đang bị đe dọa. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, tôi luôn luôn tự hỏi đã có làm tất cả những gì có thể làm được cho Frankie chưa?

Chúng tôi mua vé phi cơ đi Arkansas và vào thứ sáu, ngày 24 tháng 05, chúng tôi bay đến Little Rock, chuẩn bị đi thăm viếng tù nhân Frankie vài ngày. Tôi cũng dự định để một ngày cuối cùng, 28 tháng 5, một mình với Frankie, để chuẩn bị cho việc tử hình của anh dự định vào lúc 9 giờ tối ngày 29 tháng 5. Khi chúng tôi đến Little Rock thì phát giác rằng ông Thống đốc đã ban lệnh dời ngày tử hình đến 11 tháng 7. Sáng hôm sau E-kun và tôi lái xe đến Tucker Arkansas, địa điểm của trại Tử hình. Chúng tôi lái xuyên qua 30 dặm của vùng đất phẳng lỳ của bình nguyên Missisipi, qua nhiều đồng ruộng trồng gạo mênh mông, bao la khắp tận chân trời. Chúng tôi đến

trại vào lúc 11 giờ sáng và được ban an ninh cho phép vào trong. Nhân viên trại Cải tạo Arkansas đối xử với chúng tôi rất kính trọng và lịch sự. Chúng tôi được đón tiếp bởi Tuyên úy, Rev. James Reynolds, một người đàn ông da đen cao lớn, đầy trí tuệ, hài hước và có tấm lòng vàng.

Tôi nhận ra Frankie qua cửa sổ phòng tiếp tân. Đây quả là một giây phút vô cùng quý giá. Sau buổi họp mặt làm quen đầy hứng thú. Tôi bèn làm lễ thọ giới cho anh ta, đặt cho anh pháp danh Jusan (Thọ Sơn), tên này do Hòa Sư ợng Eido Shimano, Trụ trì chùa tôi đặt cho. Roshi Eido vẽ pháp danh mới của anh ta trên phía sau của đũa thọ giới xinh xắn, do bạn thân chúng tôi, sư cô Myojo đan bằng tay để làm món quà thọ giới cho anh.

Thống đốc Tucker bị bồi thẩm đoàn phán hai tội ác tày trời của liên bang vào ngày 28 tháng 5. Chẳng bao lâu, thống đốc Tucker loan báo rằng ông ta sẽ từ nhiệm vào ngày 15 tháng 07. Phó thống đốc là Rev. Mike Huckabee được bổ nhiệm thay thế. Thế là mục tiêu vận động thư tín của chúng tôi bị chuyển đổi. Theo luật lệ của Arkansas, một thống đốc chỉ được phép ân xá cho đến 30 ngày trước khi rời nhiệm sở. Điều này có nghĩa là Thống đốc Tucker có thể ân xá cho đến trước ngày 15 tháng 06. Chúng tôi hy vọng Thống đốc Tucker, hiện nay cũng là một tội phạm và dự định từ nhiệm trong sự nhục nhã, sẽ nhận thức rằng ông ta không còn gì để mất mát thêm trong việc ân xá

Jusan. Thế nhưng, mãi cho đến ngày 15 tháng 06 đi qua mà không nghe tin tức gì.

Vào ngày 17 tháng 6, sau khi cố gắng liên lạc nhiều lần với Thống đốc Tucker, hoặc người phụ tá là ông Jack Gillian, lúc 12 giờ trưa tôi nhận được một cú điện thoại của ông cố vấn luật pháp của Thống đốc, cho biết rằng sau khi họ liên lạc với ban chuyên giao của phó Thống đốc, họ đã dời ngày tử hình Jusan đến ngày 01 tháng 08. Tối hôm đó, tôi nhận được điện thoại của Jusan, đang có vẻ buồn bực về ngày tử hình mới; rõ ràng vẫn phỏng Thống đốc không để ý rằng ngày 01 tháng 08 là ngày sinh nhật của Jusan! Ba má của anh ta đã ch ứng kiến sự tự vận của hai đứa con, Cathy Parker vào tháng ba năm 1980, và Richard Parker vào tháng 12 năm 1983, và bây giờ họ phải chứng kiến việc chánh phủ tiểu bang tử hình con trai lớn nhất của họ vào ngày sinh nhật của nó.

Vào ngày 29 tháng 06, chúng tôi nghe văn phòng Thống đốc Tucker thông báo là việc tử hình được dời đến ngày 17 tháng 09. Chúng tôi được cho biết lý do chọn ngày đó là để tránh việc tử hình vào mùa hè vào lúc nhiều nhân viên của Sở Cải Tạo đi nghỉ hè. Ngày 17 tháng 09 được xác nhận khi tôi nhận được giấy chứng nhận do Thống đốc Tucker ký, trên đó có dấu triện tiểu bang Arkansas đóng vào. Jusan nghĩ rằng tôi sẽ rất ngạc nhiên khi nhận được tin này. Anh ta nghĩ đúng, thật là xác đáng. Chúng tôi được văn phòng Thống đốc loan báo là ngày đó được quyết định sau

khi bàn luận với ban bàn nhiệm của phó thống đốc Huckabee.

Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên bởi hành động của các Thống đốc Arkansas. Thống đốc Tucker, có một lúc, khi đang nói chuyện trên điện thoại, đã nói với mẹ của Jusan là ông ta sẽ gặp tôi trước khi tử hình, vậy mà chỉ mấy tiếng đồng hồ sau, phụ tá của ông ta, ông Jack Gillian, gọi tôi cho biết rằng ông Thống đốc từ chối gặp tôi. Ông Gillian nói rằng ông Thống đốc chưa bao giờ tiếp chuyện với cô vận tâm linh của tù nhân trong quá khứ và không có lý do gì ể làm chuyện đó hiện nay. Ban vận động của chúng tôi bèn chuyển hướng sang việc viết thư cho ông phó thống đốc, Rev. Micheal Huckabee. Rev. Huckabee là một mục sư của Tin Lành Miền Nam là người chống phá thai quyết liệt nhưng lại ủng hộ án tử hình (?).

Jusan và tôi gần như nói điện thoại với nhau mỗi ngày và tình bạn của chúng tôi càng lúc càng sâu đậm. Chúng tôi theo dõi tin tức thường xuyên và giữ liên lạc với luật sư của Jusan là ông Jeff Rosenzweig. Ngày 15 tháng 07, tôi gọi Jeff để hỏi xem chánh phủ mới đã nhậm chức chưa? Ông ta cho biết rằng tình hình đang rối loạn vì Thống đốc Tucker loan báo rằng ông ta sẽ không từ chức! Phó Thống đốc Huckabee, được sự hỗ trợ của nghị viện, gửi cho Thống đốc một bản tuyên cáo, đe dọa sẽ tước quyền Thống đốc nếu ông Tucker không từ chức. Tối ngày hôm đó, chúng tôi nghe trên bản tin tức toàn quốc là ông Thống đốc

đã nhượng bộ và từ chức. Thống đốc Tucker rõ ràng nghĩ chắc rằng ông có thể bám vào ngôi vị, thành thử đã ảnh hưởng đến quyết định của ông trong việc ân xá Jusan. Trên thực tế, hình như ông Tucker đã điểu hành trong thái độ mù mờ bởi vì áp lực từ vụ án, và vào lúc cuối, khi ông bị kết án. Sau đó, một người trong văn phòng của ông cho biết trong những ngày cuối, ông ta rất phiền muộn và tất cả công việc hành chánh là do nhân viên văn phòng ông quản lý.

Một cú “sốc” lớn nhất xảy đến cho chúng tôi vào ngày 22 tháng 07, khi chúng tôi được biết rằng ông Thống đốc mới, Rev. Huckabee, trong một hành động bất ngờ, đã ra một vụ lệnh đầu tiên khi nhậm chức, là dời ngày tử hình của Jusan đến ngày 08 tháng 08. Hậu quả, với chữ ký của ông ta, đã giảm 6 tuần lễ thọ mạng của Jusan. Chúng tôi bị chấn động. Nghe báo cáo là ông Thống đốc đã gặp gia đình nạn nhân của Frankie. Phát ngôn viên văn phòng Thống đốc là ông Jim Harris tuyên bố: “Thay đổi ngày tử hình là do sự quan tâm đến gia đình nạn nhân. Họ đã đợi nhiều năm và chúng tôi phán định rằng không có lý do gì để trì hoãn.”

Chúng tôi đã chu ẩn bị bài vở cho số tập san Gateway kỳ này và nhà in dự định sẽ cho lên khuôn ngày 23 tháng 07. Nhân vì có sự đổi thay, thành thử bài vở không còn xác đáng, chúng tôi đã quyết định hủy bỏ việc ấn loát. Chúng tôi cho in trang giữa có bài viết về Jusan xuất gia. Chúng tôi muốn Jusan thấy bài báo của mình trước khi bị tử hình.

Tôi bắt đầu gọi điện thoại đến văn phòng Thống đốc mỗi ngày yêu cầu sự họp mặt giữa Thống đốc, tôi, mẹ Jusan, Janie và em gái của anh ta, Shari. Phụ tá pháp luật của ông Thống đốc là ông Dale “Butch” Reeve, cho chúng tôi biết ông Thống đốc sẽ gặp chúng tôi vào ngày 29 tháng 07. Ngày hôm sau chúng tôi được ông Reeve cho biết ông Thống đốc đã hủy bỏ buổi gặp mặt với chúng tôi để trả đũa việc Jusan đã tham dự một cuộc phỏng vấn trên ra radio. Ông Reeve có vẻ hổ thẹn vì hành động của cấp trên. Tôi cảm thấy bực tức bởi hành động của ông Thống đốc; ông ta hành động giống như một đứa con nít hư hỏng. Quả thật là điều đáng lo. Ngày hôm sau, Shari, em của Jusan, đọc một bức thư vô cùng cảm động một chương trình radio gửi đến ông Thống đốc khẩn cầu ông ta tha mạng cho anh của cô ta.

Chúng tôi tiếp tục vận động bằng thư từ, fax và email cho đến ngày 01 tháng 08, chúng tôi đi phi cơ đến Arkansas vào ngày 3 tây và sáng ngày 4 tây, tôi và E-Kun đến Tucker để thăm Jusan. E-Kun đem theo một bộ y cũ của tôi tặng Jusan để thọ giới xuất gia trở thành một tu sĩ Thiên tông. Anh ta đã bày tỏ nhiều lần ý định muốn xuất gia trên điện thoại, nhưng tôi không biết là anh có cương quyết hay không? Sáng hôm đó anh hỏi thẳng: “Thầy nghĩ rằng con có thể trở thành nhà sư được chưa?” Anh chỉ còn sống được bốn ngày, với một câu hỏi thành khẩn như thế, tôi không thể từ chối lời thỉnh cầu của anh. Cho nên, hôm đó trong

phòng tiếp tân, với sự hiện diện của E-Kun và hai nhân viên an ninh như người chứng minh, tôi đã làm lễ xuống tóc cho anh. Jusan bị còng tay trong suốt buổi lễ; chúng tôi yêu cầu tháo còng ra nhưng họ đã từ chối và cũng không cho chúng tôi chụp hình. Jusan chỉ có thể đắp tấm y một lần, trong buổi lễ xuất gia. Buổi lễ kéo dài hơn thời gian cho phép, nhưng những nhân viên nhà tù đã tử tế cho phép chúng tôi có thêm thời gian để hoàn tất buổi lễ.

Khi chúng tôi ra về, bộ y của Jusan bị tịch thu và được giữ trong phòng của cai ngục với lý do an ninh. Jusan có pháp danh xuất gia là Fudo (Bất Động), tên một vị Bồ tát đã tự cột mình vào một tảng đá trong địa ngục cho đến khi tất cả chúng sanh đều được giải thoát. Tên anh ta bây giờ là chú tiểu Rev. Jusan Fudo Sifu William Parker. Chúng tôi đến thăm Fudo vào ngày 05 tháng 08 tại Tucker. Sáng sớm ngày 6 tây, Jusan Fudo bị di chuyển, với sự hộ tống cẩn mật, đến Cummins Unit ở Varner, Arkansas, địa điểm của phòng tử hình. E-Kun, tôi, bạn bè và gia đình được phép thăm viếng đến ngày 8 tây, sau đó chỉ còn tôi và ông luật sư là được cho phép được gặp mặt Jusan Fudo. Tôi cảm thấy vinh hạnh được ở nguyên ngày với Jusan Fudo, từ 8:40g sáng đến 8:51g tối. Chúng tôi bị luôn luôn bị nhân viên Death Watch có bốn phận ghi chép những sự kiện trong ngày theo dõi.

Jusan Fudo dùng phần lớn thì giờ vào việc viết thư, tiếp chuyện điện thoại từ bạn bè, người thân và các vị

thầy. Jusan Fudo đã nói đi đến thoai với Hòa thượng Eido Shimano Roshi, Hòa thượng Philip Kapleau và Lama Tarchin Rinpoche ở Thụy Sĩ. Lúc 5 giờ 20 chiều, buổi ăn cuối của Jusan Fudo được đem đến. Jusan Fudo điều đình với người chủ ngục cho tôi được ăn chung. Jusan Fudo dùng thì giờ để phân phối tài sản còn lại và viết cho tôi một danh sách các người được thừa hưởng. Tất cả đồ đạc của Jusan Fudo đựng vừa một thùng cạc tông. Chúng tôi tâm sự, cầm tay nhau qua lỗ hồng, chúng tôi đều biết là đã làm tất cả những gì có thể làm được để xin ân xá; không có gì phải hối tiếc. Lúc 7:22g, Jusan Fudo viết một bản tuyên cáo, yêu cầu tôi đọc trong buổi thảo luận báo chí sau khi Jusan Fudo chết. Lúc 8:47g, tôi được loan báo chuẩn bị cho đội “cột-xuống” (thi hành án) đến. Tôi mặc áo hậu, đắp y và mang tọa cụ; kể đó, Jusan Fudo và tôi bắt đầu niệm lớn tiếng: “Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng...”

Đội “cột-xuống” đến vào lúc 8:50g. Những người đàn ông tràn vào “xà lim im lặng” đều cao lớn, mặc đồ giáp màu đen, đội nón sắt đen có che mặt và giày cao ống màu đen. Hai người trong bọn mang tấm “bia” thật lớn, phía trên có nạm hai chữ “Cảnh Sát”. Chúng tôi tiếp tục niệm “Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng ...” Jusan Fudo ngồi trong thế tọa thiền sát tường trong cửa xà lim. Bọn họ đi vào trong xà lim. Hai người đàn ông cầm “bia” đứng hai bên che Jusan Fudo lại, những người khác thì xích chân, quấn dây xích quanh hông, cùm tay và khóa cùm vào dây xích ở phía

trước. “Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng...”

Chúng tôi được dẫn qua một hành lang ngắn. Hai bên những người đàn ông mặc đồng phục đen, đội mũ “tác chiến” và mang giày ống. Hành lang dài độ 5 thước. Chúng tôi đến trước “bàn thờ”. Đó là một thùng cạc tông, phủ bằng một tấm vải, trên đó đặt một tượng Phật nhỏ bằng thau. Chúng tôi tiếp tục niệm. Chúng tôi đứng trước bàn thờ xá một xá. Chúng tôi xá một cách cung kính Tánh Phật Chơn tâm đã hiển hiện trong mỗi chúng sanh. Chúng tôi bước tới thêm bốn bước thì bị cản lại bởi những người chỉ huy. Chúng tôi đã chuẩn bị để có thể xá nhau ba xá và ôm nhau một lần trước khi Jusan Fudo vào “phòng chết”. Tôi quay sang nhìn Jusan Fudo, chúng tôi vẫn tiếp tục niệm. Chúng tôi xá ba lần, một cho Phật, một cho Pháp và một cho Tăng. Chúng tôi ngừng niệm. Vài giây kế tiếp là của riêng chúng tôi. Tôi nhìn thẳng vào mặt Jusan Fudo; tôi nhìn thấy hai hàng nước mắt chảy dài xuống cằm. Tôi có thể nhìn thấy từng lỗ chân lông, từng sợi râu dưới cằm đã biến sang màu muối tiêu. Tôi thấy nụ cười Jusan Fudo thật tuyệt vời; tôi cảm nhận được những làn sóng cảm kích mãnh liệt phát ra từ quả tim anh. Thời gian ngừng lại... Nơi đây chỉ có hai người bạn, Jusan Fudo và Kobutsu, *nói lời vĩnh biệt nơi cuối con đường*. Không còn ai hiện diện trong giây phút đó, thời gian trải dài đến vô tận... chúng tôi vẫn còn đó, nói lời vĩnh biệt, vĩnh viễn...

Chúng tôi ôm chăm lấy nhau, Jusan Fudo thì thào vào tai tôi: “Con rất thương Thầy. Con tri ân Thầy rất nhiều.” Tôi bước lui một bước và chúng tôi đã xa nhau, trán của hai chúng tôi đụng vào nhau. Đó là sự tiếp xúc lần cuối của hai chúng tôi, tôi cảm thấy giật mình, đó là cái đụng bất ngờ, nhưng cho chúng tôi có một cảm giác thiêng liêng thật khó tả. Đúng 8 giờ 51 phút. Chúng tôi tiếp tục niệm “Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng....” Máy người đàn ông bên cạnh dẫn tôi đi ra cửa hông, trong lúc đó Jusan Fudo bị đẩy vào “phòng chết”. Khi bước ra ngoài, tôi thấy chiếc xe tang đang đợi, tôi cảm thấy hoàn toàn trống rỗng. Tôi được dẫn vòng phía sau “nhà chết” đến cửa vào của “phòng quan sát” ở phía trên của một vài nấc thang. Sau một vài phút chờ đợi, tôi được cho phép bước vào. Vẫn còn niệm, tôi đứng ở phía trước gian phòng, sát bên cửa sổ lớn và cánh cửa an ninh. Những nhân chứng chánh quyền bước vào phòng và ngồi trên những chiếc ghế bành đẹp đẽ. Có một bức màn xạm màu được kéo phía sau cửa sổ hình chữ nhật nhìn vào trong “phòng chết”. Tôi tiếp tục niệm “Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng....”

Đến 9 giờ 1 phút, tấm màn đột nhiên được mở rộng – tôi cảm thấy bị chấn động mạnh mẽ, khi mà ánh sáng từ “phòng chết” với bức tường màu trắng bệch và những đồ vật trong đó, chiếu sáng tràn ngập gian phòng “quan sát”. Phía bên trái của tôi, Jusan

Fudo bị cột vào cái giường di động, hai tay bị cột vào hai thanh sắt nâng giường. Đầu Jusan Fudo bị giữ chặt bởi hai tấm sắt dựng đứng và một sợi nịch chận vào trán. Jusan Fudo nằm bất động, đôi mắt nhắm nghiền. Theo lời của chủ ngục Reed, vật cuối cùng mà Jusan Fudo nhìn thấy là một hình Phật do người hành hình cầm giữ. Ông Reed nói trước khi bức màn được mở ra, ông Reed đưa tấm hình cho Jusan Fudo nhìn, Jusan Fudo nhắm mắt lại, gạt đầu cho biết là Jusan Fudo đã nhìn thấy.

Phía sau cái giường là hai trụ chống, mỗi trụ treo một túi dung dịch; những túi này đựng nước biển để duy trì sự tiêm chất IV (chất độc) vào cơ thể. Tôi thấy một ống IV dẫn vào cánh tay phải của Jusan Fudo. Thân Jusan Fudo được phủ bởi một tấm vải trắng, từ chân đến ngực, mục đích để che đi những sợi dây buộc Jusan Fudo vào giường. Sau này, có người nói với chúng tôi rằng họ phủ Jusan Fudo kín hơn những tử tù khác, mục đích đơn giản là họ muốn che đi đầy thọ giới của Jusan Fudo càng nhiều càng tốt. Jusan Fudo được phép mang đầy thọ giới nhưng không được mặc áo xuất gia. Tôi thương lượng với vị viên chức của trại cải tạo, đặc biệt là với bác sĩ Max Moble (một bác sĩ hành sự trong nhóm xử hình!) báo cho họ biết về ý nghĩa tôn giáo quan trọng của đầy thọ giới (rakusu) và cho phép Jusan Fudo ấy mang trong lúc bị hành quyết. Chỉ có sợi dây quần là ló khỏi tấm vải

che. Một bên dây quần được cài một tấm hình của ngài Đạt Lai La Ma. Đầu của ngài hé lên phía trên của tấm phủ. Jusan Fudo bảo tôi hứa với Jusan Fudo là sau khi Jusan Fudo chết, đem tấm hình đó cùng với một tấm khăn quàng tơ trắng dăng lên ngài Đạt Lai La Ma dùm cho Jusan Fudo.

Ông Larry Norris đứng phía sau Jusan Fudo. Ông ta mặc bộ đồ côm lê xậm màu, đeo ống nghe gắn microphone. Trên tường treo một đồng hồ điện tử, hiện giờ giấc bằng số màu đỏ to sáng chói. Bên phải của Jusan Fudo là tấm kiếng “một chiều”, phía sau là hai người hành hình, ngồi riêng biệt nhau. Hai người này sẽ bấm nút để bắt đầu cho một loạt ba loại thuốc độc vào trong mạch máu của một con người đang bị trói trên bàn.

Lúc 9:04g, ông giám đốc loan báo: ‘Một mũi thuốc độc đã được tiêm vào lúc 9:01g và nhân viên nghiệm thi đã loan báo rằng tử tù Sifu William Frank Parker đã tắt thở vào lúc 9 giờ 4 phút, ngày 8 tháng 8 năm 1996 và đã thực thi bản án của Tòa án Hình sự của quận Benton tiểu bang Arkansas, bằng cách tiêm thuốc độc. Bản án đã loan báo vào ngày 28 tháng 3 năm 1988 theo lời quyết nghị hợp hiến của bồi thẩm đoàn đã quyết nghị rằng tử tù Sifu William Frank Parker bị kết án về tội giết người.’”



Cựu tử tù Jusan Fudo Parker Zenji tức Sifu William Frank Parker đã cạo tóc xuất gia (trái) và Thượng Tọa Kobutsu Malone (phải) tại Trại Tử Tù tại Trại tù Tucker-Max Prison, tháng 07, năm 1996.

(Người chụp ảnh: Tom McKitterick)

CHUYẾN HÀNH HƯƠNG NGỤC TỬ TÙ

(Thượng Tọa Kobutsu Malone và cô Dakota Rowland)

Câu chuyện này bắt đầu với sự tử hình của Jusan Frankie Parker. Jusan thực sự bắt đầu tu tập rất lâu trước khi bị xử tử - sự tinh tấn miên mật suốt tám năm khi mang án tử hình. Nhiều dòng động lực Phật pháp đã bắt nguồn từ con người dị thường này. Anh ta là một hung thủ giết người, nhưng bằng nỗ lực vươn lên của chính mình, anh đã siêu thoát đờ ợc nghiệp lực và sự áp bức nội tại và qua sự thực tập thiền quán, anh thật bình tĩnh và an lạc khi chờ đợi mũi kim tiêm độc của án tử hình. Từ trong xà lim tối tăm của anh, Jusan đã ảnh hưởng đến nhiều người khác, trong và ngoài thế giới nhà tù.

Sau khi chứng kiến cảnh tử hình của Jusan vào đêm 08 tháng 08, năm 1996, không bao lâu sau, tôi viết nhiều câu chuyện về kinh nghiệm của tôi về anh ta và kinh nghiệm chứng kiến cảnh tử hình trong “phòng chết” ở Arkansas. Tôi cũng đã nói chuyện với nhiều người về những sự việc xảy ra, trong đó có bạn thân tôi là Thượng Tọa Kyogen Carlson, Trụ trì Trung Tâm Thiền Pháp Vũ (The Dharma Rain Zen Center) ở Portland, Oregon. Sau khi nói chuyện với Kyogen và

gửi cho thầy ấy copy của những bài tôi viết về Jusan và sự kiện tử hình. Kyogen lúc đó đang có một vị khách là Hòa thượng Shodo Harada Roshi, Trụ Trì của Tu Viện Sogen-Ji ở Okayama, Nhật bản. Kyogen đã kể chuyện của Jusan cho Hòa thượng Harada Roshi nghe nhân dịp ngài Roshi thăm viếng Dharma Rain Zen Center. Ngài Harada Roshi có vẻ xúc động mạnh về câu chuyện của Jusan và đã kể lại nhiều lần trong các buổi diễn giảng. Sau đó, Hòa thượng Harada Roshi thường liên lạc với tôi trên mối quan hệ “hoằng pháp tại các trại tù” càng ngày càng thăm thiết.

Năm 1999, tôi được Hòa Thượng Harada mời tôi đến chùa Sogen-Ji, Nhật bản, để thuyết trình và tổ chức vài buổi nói chuyện với người Nhật về án tử hình. Để đáp lại sự vinh hạnh này, tôi đã mời Hòa Thượng Harada Roshi đến Mỹ thăm viếng những tù nhân đang chờ án tử hình và làm Hòa thượng đàn đầu truyền giới cho hai đệ tử tù nhân của tôi bị giam ở đó. Hai tù nhân này là Jack Jones và Damien Echols do cựu tử tù Jusan giới thiệu. Tôi liên hệ thư tín với họ và đã thăm viếng họ nhiều lần trong vài dịp đi viếng các nhà tù bằng xe hơi, lúc mà tài chánh và được sự hỗ trợ rộng rãi của những mạnh thường quân cho phép tôi làm việc đó.

Trong vòng gần sáu tháng, tôi liên lạc với Hòa thượng Harada Roshi và người thông dịch là sư cô Daichi Priscilla Storandt “Chisan”, về vấn đề xếp đặt cuộc viếng thăm, ngài Harada Roshi gọi đó là “cuộc

hành hương” trại tử tù Arkansas. Chúng tôi phải xếp đặt với nhân viên nhà tù và rất nhiều chi tiết phải được giải quyết để cuộc viếng thăm có thể thực hiện. Có vô số chướng ngại trong việc này, nhưng chúng tôi cũng đã khắc phục được tất cả và ngài Harada Roshi có thể thăm viếng trại tử tù Arkansas và đặc biệt chưa từng có là được vào thăm nơi “an ninh tối đa” vào ngày 19 tháng 9, năm 2000.

Chuyến Hành Hương

Cô Dakota Rowland, tôi, các đồng bạn cùng đi đến Memphis một ngày trước khi Hòa thượng Harada Roshi từ Nhật bản đến, để chuẩn bị phòng ốc, hầu đón ngài và sư cô Chisan sáng hôm sau.

Chúng tôi đăng ký phòng ở Comfort Inn, Airport Graceland. Đến khi chúng tôi đến đó vào trưa ngày 18 mới phát giác rằng quán trọ của chúng tôi nằm giữa hai quán (bar) vũ khỏa thân với lời quảng cáo: “Xin Quý Ông: đưa xem chìa khóa nhà trọ, sẽ được vào cửa miễn phí.” Cô Dakota nói: “Có vẻ như một sự trao đổi tốt.” Buổi tối, chúng tôi đi tản bộ, mục đích tìm xe buýt đi xuống trung tâm thành phố Memphis, nào ngờ đi lạc đến khu thương mại “Elvis Presley Boulevard”. “Boulevard” là một khu thương mại rẻ tiền, hạ cấp, bao gồm một đoạn xa lộ bảy làn xe chạy, dọc theo đó là những tiệm bán xe hơi, những quán ăn rẻ tiền, và những tiệm vũ khỏa thân. Tôi chắt lưỡi khi chúng tôi đi ngang qua nhà kho “Elvis Prestley”. Không biết

“Ông Vua [Presley]” có dùng qua hay chưa?

Graceland là dinh thự của “Ông Vua”, là một nơi làm ăn cực kỳ “buồn cười”. Đối diện bên kia đường là hai chiếc phi cơ riêng mà Elvis thường dùng, bây giờ trưng bày triển lãm cho công chúng. Góc tây nam của Graceland là một phòng khám bệnh, đã từng là một tiệm bán kem được cải biến lại, với bảng hiệu Dairy Queen vẫn còn hiển hiện trên nóc.

Chúng tôi đi bộ khá lâu tìm chỗ ăn tối và cuối cùng vào một quán pizza nhỏ bán “Pizza ngon nhất Memphis”. Chúng tôi kêu pizza và xà lách dưới cái nhìn soi mói của một nhân viên an ninh vũ trang, đáng điệu uy nghiêm. Ông nhân viên nói về sự khó khăn trong quá khứ của các cửa tiệm do người da đen làm chủ hoặc khách hàng đa số da đen. Chúng tôi đặt bánh pizza quá lớn, tuy bánh ngon nhưng không cách nào ăn hết được. Đang lúc ăn, có nhiều khách hàng ra vào, mua thức ăn đem đi (To Go). Sau khi ăn, chúng tôi cảm thấy hơi hổ thẹn vì còn còn dư một miếng bánh pizza khá lớn trước mặt. Bỗng nhiên, có một cặp vợ chồng da trắng, vô gia cư, đáng dấp bản thủ, từ ngoài chạy vụt qua cửa tiệm ăn. Cả hai ăn mặt lồi thối, lộ vẻ phiền muộn. Họ liệng quần áo dơ và mấy bọc ni lông bản thủ lên trên bàn ăn bên cạnh.

Hơi kỳ quái khi nhìn thấy hai người đáng dấp bản thủ như vậy, nhưng chúng tôi cũng đã thấy qua nhiều lần giống như vậy. Những cảm giác khó chịu phát sanh từ sự nhận thức rằng chúng tôi cũng đã từng

trong cảnh ngộ sắp sửa trở thành vô gia cư như vậy. Chúng tôi được nhắc nhở rằng tất cả chúng ta đều thật gần với cái “không” (vô sản). Chỉ những người cực kỳ giàu có và quyền thế mới có ảo tưởng rằng họ được miễn nạn “không gia sản” này thôi. Một cảm giác muốn xa lánh họ vụt khởi trong tâm tôi, mặc dù tôi đã nhiều năm làm việc với nhiều người vô gia cư. Người đàn bà tỏ vẻ rất đói khát gây cho tôi cảm tưởng rằng bà ấy sẽ đến bàn tôi để xin ăn. Quả nhiên, bà ta bước đến bàn chúng tôi và hỏi một cách ngập ngừng rằng chúng tôi có thể cho bà thức ăn hay không? Hai chúng tôi đưa tay với mấy miếng bánh còn dư, ngay lúc đó người đàn bà xóc xếch vôi vàng chụp lấy thức ăn trong khi chúng tôi chưa kịp nâng lên. Rõ ràng bà ấy rất vôi vàng, lại thêm dáng điệu đòi hỏi, khi bà mở miệng nói, lộ ra mấy cái răng hư hỏng, sứt mẻ. Quần áo bà ta bầu nhàu như nhóp như một tập hợp những món đồ phế thải. Sau khi vơ vét hết thức ăn trên bàn chúng tôi, bà ta vôi vàng bê chúng qua bàn bên cạnh, chỗ mà họ vứt bừa bãi quần áo và những đồ dơ. Ông bạn đồng hành với bà ta đã biến mất vào nhà vệ sinh.

Cô Dakota cũng đi vào nhà vệ sinh, chỉ còn mình tôi ngồi nhìn hai người đang ăn đồ thừa. Họ ăn ngon ngáo, làm vung vãi thức ăn đầy ra bàn, họ rắc vào bánh một số lượng lớn Parmesan cheese và ớt khô. Lúc ấy, người quản lý tiệm ăn đi đến sừng sộ việc hai người ngồi ăn trong tiệm. Ông ta đem đến một hộp giấy đến chùi và yêu cầu họ ra khỏi tiệm. Sau khi nói

vài câu, ông ta tỏ vẻ bực bội, bèn đi tìm ông nhân viên an ninh, lúc này không biết biến đi đâu mất. Sau cùng, ông quản lý cũng tìm ra ông ấy và đem đến bàn để nói chuyện với hai người kia. Khi ấy cô Dakota trở lại, tôi ra đầu cho cô ấy ngồi xuống với tôi để quan sát sự việc đang xảy ra. Tôi muốn ở lại trong trường hợp cần phải can thiệp hoặc giải thích vấn đề. Chúng tôi là hai người khách độc nhất lúc đó và cặp vợ chồng kia có thể sẽ được đối xử thận trọng hơn với sự có mặt của chúng tôi. Người hầu bàn đến hỏi chúng tôi người đàn bà kia đã đối xử với chúng tôi thế nào? Chúng tôi trình bày những gì đã xảy ra, và nói chúng tôi rất thoải mái trong việc bố thí những thức ăn thừa cho họ. Người hầu bàn cho biết hai người này có thói quen vào nhà hàng và hung hăng đòi hỏi thức ăn của thực khách. Tôi đưa cô ấy một tấm card tên tôi cho biết tôi là một “Thượng toạ” (tu sĩ Phật giáo) và giải thích tôi không cách nào từ chối bố thí một người đến xin thức ăn. Cô ấy có vẻ hiểu rõ và bỏ qua vụ đó.

Lúc đó, hai người nghèo đó đã ăn xong, chúng tôi bèn rời khỏi tiệm. Đi dọc theo “Boulevard”, cô Dakota nói rằng tình cảnh của hai người đó chỉ là một góc nhỏ của một hình ảnh lớn về chủ nghĩa vật chất và sự áp bức nội tâm đã thấm thấu vào xã hội và khuếch xung trong tinh tủy của văn hóa nhà tù. Những người nghèo đó, biểu hiện sự mất quân bình trong kinh tế gia đình. Cô nói rằng giả như xã hội cố gắng giúp đỡ chăm sóc và hỗ trợ cộng đồng kỹ hơn, chặt chẽ hơn thì sẽ tránh

được cảnh nghèo đói, bản thủ và đáng thương tâm này. Thật không biết phải làm thế nào để kiến tạo một xã hội mà trong đó có thể được trị lành những sự tổn hại lớn lao và xoa dịu nỗi khổ đau đã đưa người dân đến tình trạng như thế này? Chúng tôi đi trở về khách sạn. Tôi cảm thấy bức rức có lẽ vì đã giúp họ chưa tròn. Cô Dakota cần nhắn tại sao không cho họ một ít tiền. Tôi nói rằng ít nhất chúng ta đã cho họ thức ăn mà họ ăn rất ngon lành. Dù sao chúng ta đã làm một nghĩa cử đẹp rồi.

Đọc đường, chúng tôi ghé vào một quán nhỏ để mua cà phê và nước chai. Khi chúng tôi vừa đến cửa tiệm, một người cảnh sát vừa lái xe ra khỏi bãi đậu, anh ta mới vừa tra hỏi một cô gái da trắng trẻ làm nghề mãi dâm. Trong tiệm, cô ta thờ thần phía trước một bản hiệu quảng cáo Coke mặt mày có vẽ lo âu, khi chúng tôi vào lấy cà phê, pha chế “tại chỗ” bởi người đàn bà da đen vui vẻ đang đứng bán. Bà ta vội vã nhưng tươi cười và kiên nhẫn trong việc giúp đỡ khách hàng. Khi chúng tôi trả tiền, bà ta đang nói chuyện với cô gái ăn sương, kêu cô ta “Racquel” và hỏi xem cô ta thế nào. Rõ ràng, Racquel đến tiệm này thường xuyên và người bán hàng quan tâm đến cô ta, trong tinh thần “chị em”, đoàn kết trong quan điểm nhìn tất cả mọi chúng sinh bị áp bức hay khổ sở như người thân thuộc.

Chúng tôi tiếp tục trên đường về khách sạn, đi ngang qua một tiệm nhảy khoả thân tên “Babies” (Em

bé - tên nói lên tất cả) và thấy một đám đàn ông đang đứng lảng vảng ở phía trước. Cô Dakota nhận định rằng “sự buôn bán tính dục” đã làm ô nhục cả đàn ông lẫn đàn bà và gây bi thảm cho xã hội. Xã hội này đã mặc nhiên tha thứ việc bóc lột và ô nhục đó. Tôi nghĩ đến cái văn hóa hỗ trợ đàn ông, người bóc lột trở thành nạn nhân của sự bóc lột của chính mình giống như “bánh xe đi theo dấu chân con bò kéo xe” (Kinh Pháp Cú I, kệ 1) (mua dâm tạo nghiệp xấu cho mình).

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm và đi bộ xuống tiệm để mua cà phê và nước trái cây, để bắt đầu cuộc hành hương đến trại tử tù với Hòa Thượng Harada Roshi mà chúng tôi đã chờ đợi quá lâu. Người bán hàng tôi qua không còn ở đó và trong tiệm bầu không khí đã đổi khác, phần lớn là khách đến mua cà phê trên đường đi đến sở làm. Khi ra khỏi bãi đậu xe, tôi thấy một cô gái trẻ đang đi đến. Cô ta tóc vàng, mặc một chiếc áo ngắn hở rốn, một cái quần đen bó sát cột dây lưng. Cô nở một nụ cười tươi tắn, có vẻ mời mọc, rất là kêu gọi. Tôi trả lời bằng một câu “chào cô” rất ngọt ngào. Tôi biết cô ta là gái ăn sương. Nếu để ý một thời gian, bạn sẽ biết món hàng. Cô ta quả thật hấp dẫn, và tôi, theo bản năng, sau đó quay lại nhìn một cái, và thấy cô ta cũng làm y như tôi. Thốt nhiên, tôi nhận thức rằng tôi đã phản ứng theo bản năng tự nhiên của một người đàn ông. Tôi tiếp tục bước đi, nhưng hơi cảm thấy hổ thẹn với hành động vừa qua của mình. Tôi nói với cô Dakota về chuyện đó, cô ấy

hỏi tôi có nói chuyện với ả hay không và nói rằng ít khi một cô gái ăn sương nói chuyện với một người đàn ông không phải là mối [làm ăn mua dâm]. Tôi nghĩ tôi đã mất một cơ hội hóa độ cô ấy. Dù sao, tôi đang có một sứ mạng - uống cà phê, đây là điều quan trọng bắt đầu một ngày mà chúng tôi đã chu ẩn bị và tổn nhiều mồ hôi để đến đây.

Chuyến bay của Hòa thượng Shodo Harada Roshi dự định sẽ hạ cánh tại phi trường Memphis vào lúc 11 giờ 45 sáng và chúng tôi vội vã mướn xe để đi một đoạn đường dài 156 dặm đến Tucker, Arkansas. Nơi này đã từng là một nông trại cho nô lệ, hiện nay là trại tù Tucker-Maximum của Cơ quan Cải tạo tiểu bang Arkansas. Chúng tôi đã chu ẩn bị chu áo cho chuyến đi. Tôi đem theo một bộ “thiền du lịch” là một hộp màu đen, bên trong đựng một tượng Phật, một khánh, một tấm bảng gỗ thế mõ, khăn trải bàn thờ, lư hương được đầy bởi một cái nắp nhựa do tôi tự làm lấy, buộc vào nhau bằng một sợi thung, nhang, trầm và những pháp cụ linh tinh khác được dùng trong nghi lễ. Chúng tôi uống cà phê và chuẩn bị đồ đặc sẵn sàng. Cô Dakota không phải Phật tử mà là một người hoạt động cải cách Xã hội, có một cái nhìn rất sâu sắc, còn tôi là một thiền sư Lâm tế người Mỹ gốc Ái nhĩ lan, có một quá khứ không tốt. Chúng tôi đều cạn túi, thành thử không đủ tiền mướn xe khi đến Memphis, cho nên phải lấy xe “shuttle” ra phi trường, hy vọng mấy người bạn Nhật bản sẽ phụ trách việc mướn xe đi

Arkansas.

Tôi rất ghét những trạm kiểm soát an ninh nơi phi trường, trong quá khứ tôi đã nhiều lần gặp vấn đề. Đôi khi những nhân viên điều khiển những máy x-ray được chỉ thị: một người đàn ông mặc áo “tràng” tôn giáo được “nhắm đến” như là một người phải được xem xét cẩn thận. Vào những nhà tù với lu hương, đôi khi cũng là một vấn đề - thấy một bình sứ chứa bột trắng nhuyễn đi vào nhà tù “an ninh cao độ”, đã gây một ấn tượng “mạnh” trong đầu những nhân viên an ninh.

Chúng tôi đến phi trường sớm hơn hai mươi phút. Tôi cảm thấy bồn chồn và cô Dakota cảm nhận được điều đó. Cô ta an ủi tôi, nói: “Hãy cứ bình thản, mọi việc sẽ tốt đẹp”. Tôi chưa bao giờ gặp Hòa thượng Harada Roshi; đây là lần đầu tiên gặp mặt. Tôi không có liên lạc nhiều với các thiền sư Lâm tế, ngoài những vị khách của Hoà thượng Eido Shimano Roshi thỉnh thoảng đến viếng thiền đường Dai Bosatsu. Nhưng những lần gặp gỡ đó khác, tôi chưa bao giờ làm người tiếp khách. Thực sự, tôi biết rất ít về Hòa thượng Harada Roshi, chỉ biết qua sự mô tả sơ lược bởi vài thiền sư người Mỹ đã từng học với ngài. Phần lớn đều nói với tôi rằng Harada Roshi là một vị thiền sư cao tăng thạc đức, thầy của các vị thầy. Tôi có đọc một tiểu sử ngắn của ngài trên internet và thấy được một bức hình lờ mờ của ngài, khi ấy không gây cho tôi một ấn tượng gì mạnh mẽ.

Harada Roshi là một thiền sư ởng Lâm Tế, là người đại diện cho thầy tôi - Hòa Thượng Bổn Sư Eido Shimano cũng thuộc cùng dòng. Tôi biết chắc Hòa thượng Eido Roshi trong tương lai sẽ nghe được việc gặp gỡ giữa tôi và Hòa thượng Harado Roshi. Trong nhiều năm, Hòa Thượng Eido Shimano Roshi đã ngần ngại trong việc truyền giới cho tôi. Khi nhân duyên đã đến, cần phải làm lễ truyền giới, chúng tôi đã nói chuyện với nhau và ngài đã cho tôi biết những cảm nghĩ của ngài về tôi. Mặc dù ngài có nhiều sự lo âu nhưng cũng đã giữ lời hứa và đã truyền giới Tỳ kheo cho tôi, chúng tôi tỏ sự tin tưởng của ngài sau khi ở bên cạnh nhau mười sáu năm. Ngài đã cho tôi một bài học cuối bằng cách viết ba chữ Hán vào phía sau cái đĩa thọ giới của tôi, mà sau này một nhà sư Trung quốc dịch cho tôi nghe là “Nhìn bước chân!”

Phi cơ của Hòa Thượng Roshi đến sớm mấy phút và tôi đợi tại cổng để đón ngài. Cô Dakota có một máy chụp ảnh nhỏ sẵn sàng chụp mấy tấm hình lưu niệm buổi gặp gỡ. Một số hành khách đi ngang qua cổng và cuối cùng là đến Hòa thượng Harada Roshi. Tất cả sự lo sợ trước kia của tôi đều tan biến khi nhìn thấy ngài. Tôi cảm thấy như được bao trùm bởi một sự ấm áp và cung kính, bèn chấp tay xá dài khi ngài đến gần. Tôi cảm thấy kinh ngạc với dáng dấp nhỏ bé của ngài, trong khi đã tôi ngỡ tượng hình ảnh một người to lớn. Chắc chắn là do sự tưởng tượng của tôi dựa trên danh tiếng của ngài. Sau khi xá xong, tôi nhìn thẳng,

thấy ngài đang nở nụ cười rất sâu sắc và tôi cảm nhận được một sự ấm áp lạ thường tỏa ra từ ngài. Ngài bắt tay tôi - kiểu Mỹ - nói “Hello” và nói ngài rất vui mừng khi gặp được tôi. Tôi cảm nhận nhanh liền, hình như có một nghiệp duyên sâu dày với ngài, đây là điều mà tôi cảm nhận chỉ có hai lần, một lần với Hòa thượng Chogyam Trungpa và sau này với Hòa thượng Bổn Sư Eido Shimano Roshi. Hai vị này đều là thầy của tôi, cho nên tôi phân vân không biết lần gặp gỡ này với ngài Harada Roshi thế nào?

Ngay phía sau ngài là sư cô Daichi Priscilla Kay Storandt “Chisan”, vị nữ thiền sư, đóng vai thông dịch viên và là người mà tôi đã liên lạc nhiều lần. Sư cô Chisan mặt mày rạng rỡ và tôi cũng cảm nhận ngay sự ấm áp và sung sướng như khi nhìn thấy Hòa thượng Roshi. Sau những thủ tục chào hỏi, tôi cũng rất hân hạnh khi giới thiệu cô Dakota với Hòa thượng Roshi và sư cô Chisan, là những thiền sư Lâm tế đầu tiên, ngoài tôi ra, mà cô ta được gặp mặt. Chúng tôi đều mỉm cười và cảm thấy vui sướng được đi hành hương cùng với nhau và sửa soạn đi đến— nhà tử tù Arkansas.

Chúng tôi bị chậm trễ ở phi trường một khoảng thời gian ngắn vì hành lý của Hòa thượng Roshi bị lạc ở Los Angeles khi mà họ đổi phi cơ. Hòa thượng Roshi và sư cô Chisan, sau một buổi lễ ở Seattle, đã đáp phi cơ bay qua Memphis.

Sau khoảng một tiếng, chúng tôi đã mừng rỡ được

một chiếc mini-van, chắt hết hành lý lên xe và bắt đầu cuộc hành trình ra khỏi Memphis. Tôi có đem theo một dụng cụ rà ra đa để sử dụng khi lái xe, nhưng châu điện trên xe mướn lại bị hỏng, thành thử tôi biết mình phải lái cẩn thận trên đường I-40 xuyên qua Arkansas. Chúng tôi đang có một thời khóa rất bận rộn và phải lái xe ba tiếng rưỡi đồng hồ. Nhiều năm qua, tôi đã lái trên hệ thống xa lộ liên bang, khoảng hơn một triệu dặm (Anh), tôi biết chắc nếu lái với vận tốc khoảng 90 đến 100 dặm một giờ, tôi có thể giảm thời gian lái xe còn độ hai tiếng rưỡi, trừ phi đừng bị bị cảnh sát chặn lại (vì lái quá tốc độ).

Memphis nằm trên sông Mississippi và chúng tôi được thưởng thức quang cảnh bao la của dòng sông khi chúng tôi lái qua cầu treo, trên xa lộ I-40. Ngài Roshi nói ngài chưa bao giờ thấy sông Mississippi và chưa bao giờ đến miền nam nước Mỹ, chỉ đến miền đông bắc và tây bắc. Sau khi rời khỏi Memphis, thành phố đầu tiên chúng đi ngang qua ở Arkansas là West Memphis, đây là địa điểm của một vụ thảm sát ba đứa trẻ tám tuổi vào ngày 5 tháng 5, 1993. Vụ án mạng xảy ra trong một khu rừng phân đôi bởi một khe nước cạn, cách I-40 chừng độ vài thước. Khi chúng tôi đến gần khu vực tên là rừng “Robin Hoods Hills”, tôi chỉ cho những người khách biết. Tôi đã gửi hai đoạn phim tài liệu: Paradise Lost và Revelations: Paradise Lost Revisited, đến ngài Roshi mấy tháng trước.

Một trong những người chúng tôi thăm ở trại tử tù

hôm nay là Damien Echols, bị kết án là đầu đảng của hai thiếu niên trong vụ án mạng này. Damien đã bị kết án tử hình trong phiên tòa đur ợc ghi tại trong Paradise Lost. Tài liệu về vụ án này đã đem đến nhiều nghi vấn về sự phạm tội của “phạm nhân” và sự công bình của vụ án. Kết quả, đoạn phim đã gây ảnh hưởng, nhiều nhóm ủng hộ đã đặt nghi vấn về vụ án và ba thiếu niên bị kết án. Tôi tiếp tục chăm chú vào việc lái xe, bởi vì càng đến nơi sớm, càng có nhiều thì giờ với Damien và Jack Jones, một người đệ tử khác của tôi cũng đang bị mang án tử hình.

Chúng tôi ngừng tại một cây xăng để nghỉ mệt và mua vài món ăn vặt, nước uống. Nhiều người nhìn chúng tôi bằng những cặp mắt quái lạ. Tôi đã kinh nghiệm nhiều lần về vụ này khi đi qua miền nam, khi tôi mặc y phục người xuất gia. Thế nhưng, lần này có đến ba người xuất gia, thành thử cũng cảm thấy dễ chịu hơn. Ngài Harada Roshi muốn mua một bản đồ Arkansas để đem về Nhật (làm kỷ niệm).

Đoạn đường rút ngắn rất nhanh chóng vì tôi đang lái với tốc độ 100 dặm một giờ và chúng tôi cảm thấy thoải mái trong chiếc mini-van mới, hoàn toàn khác hẳn với sự di chuyển mọi khi của tôi, một chiếc Volvo 15 tuổi, không có số 4 và không có máy lạnh. Chúng tôi ra khỏi xa lộ liên bang và lấy đường 15 đi về hướng nam đến Tucker. Dọc đường chúng tôi thấy những cánh đồng trồng bông vải và đậu nành trải dài khắp chân trời. Đây là mùa gặt bông vải trên những

cánh đồng khô. Những cây bông vải đứng theo hàng lối, giống như những bộ xương khô, phô bày những bông vải trắng cứng đơ. Thịnh thoảng chúng tôi thấy những cuộn bông vải khổng lồ được đặt bên cạnh xa lộ, đợi những chiếc xe vận tải chuyên chở bông vải qua rồi. Chúng tôi nói với Hòa thượng Roshi về những việc trong quá khứ, cách đây không lâu, những cánh đồng này đã đư ợc chăm sóc bằng mồ hôi và sức lao động của những người Phi châu bị bắt giữ làm nô lệ. Phần lớn đất đai là của người da trắng làm chủ, nhưng được cày cấy và chăm sóc bởi sức lao động của những người nô lệ da đen.

Đến Trại Tù Tucker Maximum

Chúng tôi lái xe vào trong bãi ậu xe của trung tâm Tucker Max và lấy ra tất cả giấy tờ cần thiết để đem vào. Cô Dakota chụp một vài tấm hình bằng một trong hai máy chụp hình mà chúng tôi mang theo trong trường hợp họ cho phép mang máy hình vào trong. Tôi biết rõ là chúng tôi có thể vi phạm một vài quy lệ của trung tâm nhưng không ai để ý. Chúng tôi đã bị từ chối không được dẫn theo một nhiếp ảnh gia nhà nghề, nhưng không biết rõ chúng tôi có được phép tự mang máy ảnh vào hay không?

Chúng tôi được Tuyên úy Norman McFall của trung tâm tiếp đón tại nhà tiếp tân. Tuyên úy McFall mới vừa nhậm chức tại đây. Sư cô Chisan và tôi đã gửi nhiều email liên lạc với Tuyên úy và tôi ẫng đã

gửi vài bức thư tình bày chi tiết về buổi lễ mà chúng tôi sẽ hướng dẫn. Tôi cũng gửi cho ông ta một danh sách các pháp cụ mang theo và tất cả những giấy tờ “cá nhân” để cho họ có thể kiểm tra. Tất cả dụng cụ đều được khám xét và đối kiểm với bảng danh sách mà tôi đã gửi mấy tháng về trước. Tất cả đều thông qua và chúng tôi hân hoan khi biết là chúng tôi được phép mang máy ảnh vào trong.

Mỗi người chúng tôi phải đi ngang qua một máy “phát giác kim loại”, đem tất cả đồ vật cá nhân trong người ra ngoài. Tucker Max mới vừa ban hành luật cấm thuốc lá trong trại, chúng tôi bị dò hỏi là có đem thuốc lá hay không? Sự tra xét chi tiết và bị rờ quanh người, đây là điều mà tôi chưa hề gặp trước kia khi vào nhà tù khác. Sau khi hoàn tất thủ tục sơ khởi, chúng tôi được hộ tống bởi Tuyên úy và một nhân viên an ninh vào trong khu tiếp tân và văn phòng đi đều hành của nhà tù. Tôi đã có yêu cầu ban quản trại được phép đi thăm các xà lim của tử tội, một nơi giam cầm đặc biệt, nhưng không biết họ có cho phép hay không? Tôi rất hoan hỷ khi được biết rằng điều này được cho phép và sau khi giao cái đĩa “pháp khí nhà Thi ền” cho văn phòng tạm giữ, chúng tôi được dẫn qua trạm an ninh nội bộ, bao gồm hai cửa an ninh điện động, rào kẽm gai và đi dọc hành lang chính của trung tâm.

Tucker Max là một nhà tù tương đối tối tân và may mắn là có máy lạnh trong các xà lim và các khu sinh

hoạt. Điều này là một trời một vực so với tình trạng của những nhà tù ở các tiểu bang khác, hoặc các trại tù khác ở miền nam mà tôi đã đi qua. Chẳng hạn như các nhà tù ở Florida và Texas, nóng đến độ các tù nhân cảm thấy đau khổ như bị tra tấn. Trong các năm vừa qua, nhiều tù nhân đã bị mất mạng vì không chịu nổi nhiệt độ quá cao. Tháng 4 năm 1999, tôi tham dự phái đoàn tôn giáo của bà sơ Helen Prejean, được phép vào thăm nhà tử tù của Texas ở Huntsville. Ngày hôm đó thời tiết không đến nỗi tệ, vậy mà chúng tôi có thể nhìn thấy sự thiếu thốn trong vấn đề thông hơi của các xà lim và nghe các nhân viên và tù nhân cho biết nhiệt độ trong các xà lim ở tầng trên lên đến 120 độ Faraheit.

Năm ngoái, nhiều tù nhân đã bị chết vì sức nóng và một người bị chết vì nhiệt độ cao do thuốc tâm thần mà anh ta đã uống khi được chữa trị. Nhiều tù nhân đã mắc phải bệnh tim do nhiệt độ quá cao trong những trại giam dã man này. Thế nhưng, phía trong của trại Tucker Max này rất dễ chịu. Khu độc nhất không có máy lạnh là khu kỷ luật, “cái lỗ” được dùng như khu “xử phạt”. Rõ ràng, hình phạt bằng sự cô lập và thức ăn “dưới tiêu chuẩn” chưa đủ, còn phải phối hợp với nhiệt độ cao mới được.

Khi chúng tôi đi bộ dọc theo hành lang chính rộng khoảng 10 mét đến nhà tử tù “Five Pod”, chúng tôi bị tù nhân và cả nhân viên an ninh, nhìn một cách soi

mới. Chúng tôi có vẻ quái lạ, ba người mặc áo nhà tu, còn cô Dakota thì mặt một chiếc sơ mi ngắn tay màu hoa sáng tươi cùng với mái tóc vàng phủ xuống, dài độ ngang hông. Cô Dakota chuyên tâm vào việc chào hỏi các tù nhân hai bên, còn tôi thì quan tâm đến hai vị khách và đối đáp với các nhân viên nhà tù. Ban an ninh cảnh báo chúng tôi về việc các tù nhân có thể sẽ có thái độ vô lễ, nhưng đó chỉ là cảnh báo, gần như tất cả tù nhân đều chào hỏi chúng tôi một cách lễ độ.

Sứ mạng của cô Dakota là chào hỏi càng nhiều càng tốt những tù nhân ở đây, phần lớn là người da đen. Cô nhìn họ, mỉm cười, vẫy tay chào như một cử chỉ đồng tình với họ và các tù nhân cũng hưởng ứng đáp lại một cách thanh tình. Bất luận trải qua một buổi nghi lễ Phật giáo hoặc chỉ bằng nụ cười và ánh mắt cũng làm cho tâm hồn của tù nhân được hân hoan. Mặc dù chúng tôi là khách, là những người có thể bước ra khỏi trại tù an ninh cực cao độ sau khi viếng thăm, nhưng đối các tù nhân cùng những người mặc đồng phục canh giữ họ, chúng tôi đang là những người bạn trong những cử động, hành vi, trang phục và cung cách của chính mình. Một số đồng nhân viên an ninh là phụ nữ.

Chúng tôi đến khu tử tù và được đưa vào qua một cửa an ninh để vào tầng chính của khu. Chúng tôi đang ở trong “động nghiêm ngặt”, ba tầng xà lim sắt thiết kế để giam những người tử tù bị cô lập với thế

giới bên ngoài và với những người tù bên cạnh. Tôi quay sang Hòa thượng Roshi nói rằng tất cả những tù nhân ở đây đều là tử tù. Tôi chỉ cho ngài thấy xà lim của cựu tử tù Jusan Frankie Parker ở đó và anh thực tập thiền trong đó tám năm trước khi bị tử hình.

Tôi thấy Jack trước tiên, đứng tại cửa xà lim của anh ta, mặc áo “wagesa” (Luân Ca Sa: áo tràng trắng của Phật tử Nhật) và đang mỉm cười. Sau khi nhìn chung quanh, chúng tôi nhận ra Damien đang ở một xà lim phía cuối tầng thứ hai. Hai người hình như đã bị dời chỗ, khác với kỳ trước khi tôi đến thăm, lúc đó họ ở hai xà lim bên cạnh nhau ở tầng thứ nhất. Hai nhân viên an ninh đến xà lim của hai người, cùm tay họ lại, trước khi mở cửa xà lim. Họ dẫn hai người đến tầng chính, gắn thanh sắt vào mắt cá chân, rồi gắn một hộp khóa an toàn vào cái cùm tay đã bị khóa hai lần.

Trong lúc Jack và Damien bị cùm chân tay bởi nhân viên an ninh, cô Dakota quay nhìn các tù nhân trong xà lim và nói chuyện với họ. Một người hỏi tên cô ta, biểu lộ sự cảm kích, một người khác hỏi bẽn lẽn rằng cô ta có phải là một nữ tu Phật giáo hay không? Tất cả những phản ứng của tù nhân đối với Dakota đều thân mật và có ý nghĩa. Phần lớn những người đàn ông này là người da đen nghèo, rất cảm kích sự cảm thông của những người không phải tượng trưng cho quyền hành, bạo lực, v.v... dù chỉ trong chốc lát rồi chúng tôi sẽ đi.

Jack và Damien mỗi người đều đem theo quyển kinh nhật tụng cho buổi lễ, và hai người đều mang theo những hộp nhỏ làm bằng tay. Tôi rất hân hoan giới thiệu hai người với Hòa Thượng Harada Roshi, sư cô Chisan và cô Dakota. Jack và Damien cúi đầu sát xuống chào chúng tôi và tỏ vẻ rất cảm động. Qua biết bao nhiêu ngày tháng, cả hai đã chờ đợi cho đến ngày hôm nay.

Chúng tôi được phép vào trong một nhà nguyện rất nhỏ ở ngay bên cạnh tầng chính của tử tù. Trong đó có sẵn ghế xếp và chúng tôi ngồi trong phạm vi đã được định sẵn. Chúng tôi được tháp tùng bởi Tuyên úy McFall, Ông ta xin được phép tham dự. Tôi nói một vài lời giới thiệu và buổi lễ bắt đầu. Jack tặng Hòa thượng Harada Roshi một cái hộp gỗ làm bằng tay rất đẹp, phía ngoài được vẽ bằng bút và mực Nhật bản. Damien tặng tôi một hộp gỗ làm bằng tay như vậy và tặng Hòa thượng Roshi và tôi hai xâu chuỗi. Tôi hỏi họ: “Cảm tưởng của các anh thế nào khi thấy phái đoàn đến?” Jack Jones nói với Roshi: “Con cảm thấy rất bối rối, rất bối rối, rất bối rối. Con không biết nói gì với các ngài bởi vì con cảm thấy rất bối rối!” Damien thưa với Hòa thượng Roshi: “Con đợi rất lâu để được nói chuyện với ngài, xin lỗi con đã muốn hỏi rất nhiều, nhưng bây giờ gặp ngài đầu óc con lại trống rỗng, xin lỗi, làm ơn tha lỗi!” Kế đó, Jack hỏi Hòa thượng Roshi: “Ngài nghĩ sao về trại tù này?”

Hòa thượng trả lời qua sự thông dịch của Chisan: “Chỗ này kiểm soát chặt chẽ và có một bầu không khí rất tập trung ở đây.” Jack nói: “Chỗ này rất tập trung, mỗi giây phút, ở đây, trong mỗi ngày, từng ngày trên toàn thế giới này.” Hòa thượng Roshi trả lời: “Tôi có ba mươi người đệ tử và đối với tất cả họ, mỗi một thời khắc đều là thời khắc độc nhất, quan trọng nhất.” Jack trả lời: “Chúng con đã đọc nhiều sách, nhưng không sách nào có thể so sánh với sự sâu sắc của thiền tông.” Hòa thượng Roshi đồng ý và Jack trả lời: “Bởi vì con phải đối diện với cái chết trước mặt, nên con mới có thể ngộ điều này. Con tọa thiền mỗi ngày và đó là thời gian quan trọng nhất trong ngày của con. Mỗi ngày con đều quay mặt vào vách để thiền tĩnh.”

Trước khi rời khỏi nhà nguyện nhỏ, tôi hỏi Tuyên úy McFall có thể nào cho phép Hòa thượng Harada Roshi vào thăm xà lim của Jack để xem anh ta sinh hoạt thế nào và có một khái niệm về kích thích và bố trí của một xà lim tử tù. Tuyên úy hỏi một nhân viên an ninh cao cấp và chúng tôi được phép vào xem xà lim của Jack, ở dưới tầng dưới, gần nhà nguyện.

Dãy Tử Tù

Chúng tôi đi ngang qua hành lang và cửa xà lim của Jack được mở lên tự động từ phòng điểu khiển chính. Đó là một gian phòng kiên cố ngăn với khu tử tù bằng kiếng, bản không thủng và đây là chỗ điều khiển tất cả lối ra vào, cửa và cổng trong tử tù. Lối

vào cửa phòng đi đều khiến là từ hành lang chính của trại giam và hoàn toàn cô lập với tử tù. Khi chúng tôi bước đến gần xà lim, tôi nói đùa là đã xếp đặt cho Hòa thượng Roshi đến viếng thăm tỉ mỉ và ra dấu mời ngài vào trước. Ngài đáp lại sự khôi hài của tôi bằng một nụ cười tươi tắn và tỏ vẻ thưởng thức sự cởi mở trong lúc đối diện với sự hành hình. Chúng tôi tiến vào xà lim của Jack và nhìn chung quanh. Đây là một gian phòng nhỏ với một cửa sổ hẹp có ánh sáng mặt trời rọi vào. Có một cái giường hẹp trải một tấm nệm mỏng, một cái bàn viết và một cái ghế gần đó. Tường trước, gần cửa xà lim, có một bàn cầu sắt và bồn rửa mặt, tù nhân khi đi cầu, quay mặt vào trong, nhưng mọi người phía ngoài đều có thể thấy được tù nhân bất cứ lúc nào, không có một góc nào trong xà lim mà không thể nhìn thấy từ cửa xà lim.

Jack có một bàn thờ nhỏ thiết trí trên bàn giấy và một số hình ảnh của hai đứa con trai và một người đàn bà. Tất cả được gắn vào một miếng cạc tông treo phía trên bàn. Chúng tôi nhìn vào các bức ảnh và Jack giải thích họ là ai. Thật là chật chội trong một chỗ nhỏ hẹp như vậy. Hai nhân viên an ninh to lớn đứng ngay cửa xà lim theo dõi những gì đang xảy ra. Sau khi hoàn tất việc “viếng thăm” phòng tử tù, chúng tôi được dẫn trở lại phòng tiếp tân. Jack và Damien cũng được dẫn đến đó theo hành lang chính, còn chúng tôi được dẫn qua trạm kiểm soát chính để đi đến đó.

Buổi Lễ Thọ Giới

Đầy dụng cụ màu đen của tôi được đặt tại phòng tiếp tân và chúng tôi đi vào từ cửa rào kẽm gai. Có một dãy cửa sổ dọc dài theo hai bên phòng tiếp tân và đã có nhiều người, lúc nãy chúng tôi không thấy, ngòì nhìn chúng tôi bước vào.

Tôi chọn một góc phòng tiếp tân ngay chỗ mà cụ từ tù Jusan đã thọ giới cách đây bốn năm rưỡi về trước và bắt đầu sắp đặt bàn thờ cho buổi lễ. Tôi đã đem theo tất cả những gì có thể dùng đến và chúng tôi đã sắp đặt một bàn thờ đẹp trải bằng tơ nguyên chất. Tôi đã mua trầm hương loại cực tốt để dùng trong buổi lễ. Bàn thờ gồm có một tượng Phật điêu khắc bằng gỗ (do Hozo Jack Van Allen tặng cho hội Thiền Dẫn Thân), một lư hương bằng sứ, một bát nước cúng bằng sứ, một cây nến trắng, một dẫn khánh và hai tấm thư pháp do Hòa thượng ợng Harada Roshi vẽ để tặng Jack và Damien. Sư cô Harada cũng đem hai đĩa y thọ giới đẹp từ Nhật sang, trên đó có viết pháp danh của hai người. Tôi đã làm khoen cho pháp y từ những mảnh gỗ của cây phong, trong rừng chung quanh Thiền đường Dai Bosatsu của tôi tại Linvingston Manor, New York.

Tôi tụng bài Khuyến tấn thọ giới do Hòa thượng ợng Eido Roshi viết, dựa trên Kinh Pháp Cú XIV.4. Nhờ một quyển kinh Pháp Cú cỡ nhỏ liệng vào xà lim một cách khinh bỉ mà cuộc đời của cụ từ tù Jusan Frankie Parker đã thay đổi một cách sâu xa trở thành Phật tử

thuần thành và xuất gia trước khi bị tử hình. Hòa thượng Roshi và tôi dâng hương, chúng tôi tụng: Sám hối, Tam tụ tịnh giới, Tam quy y và Mười giới (Thập thiện). Thắp hương trong nhà tù là một điều hy hữu đối với tù nhân. Họ bị cấm chỉ không được chứa hoặc thắp hương trong xà lim, dù đó là nghi lễ tôn giáo của mình. Ở Tucker-Max, có quy định “không hút thuốc”, thành thử tù nhân cũng không có hộp quẹt cây hoặc hộp quẹt máy, những món này bị cấm đoán với lý do an ninh.

Ngài Harada Roshi, qua sự thông ngôn của sư cô Chisan, giải thích ý nghĩa của pháp danh, sau đó chú nguyện và đưa mỗi người một đũa thọ giới màu đen. Damien được đặt tên Koson, nghĩa là tôn trọng, nhiệt tâm, hoặc tìm cầu ánh sáng, còn Jack được đặt tên Đại Nhân, nghĩa là sự nhân nhục vĩ đại. Sau đó chúng tôi tụng Bốn hồng thệ nguyện ba lần bằng tiếng Nhật và một lần tiếng Anh. Tôi nói lời kết thúc và buổi lễ hoàn tất.

Trong buổi lễ, tôi phải trợ giúp mỗi người cầm kinh vì hai tay bị còng với nhau. Chúng tôi không thể hành lễ trên sàn bởi vì tôi không thể đem bồ đoàn và chiếu vào. Cự tử tù Jusan Frankie Parker ít nhất hai tay cũng được cho phép tự do mặc dù hai chân luôn luôn bị cùm, khi tôi đến thăm anh. Sau buổi lễ, cô Dakota thuật lại với tôi là khi chúng tôi đánh bản, phát ra tiếng động lớn, làm cho mấy nhân viên an ninh trong phòng thiếu điều chết đứng!

Tuyên úy McFall đặt nhiều câu hỏi với Hòa thượng Roshi. Ông hỏi tại sao chúng tôi cạo đầu? Ngài Roshi trả lời: “Không có tóc là để nhắc nhở rằng chúng tôi là những người xuất gia không còn ham muốn gì cả.” Nghe thế, tôi bèn lấy tay sờ đầu và chêm vào: “Tại sao tôi vẫn còn muốn một chiếc xe Harley Davidson mới?” Mọi người bật cười vui vẻ trước câu đùa hài hước của tôi.

Chúng tôi cảm thấy vô cùng lưu luyến, thế nhưng vì thời gian có hạn, chúng tôi phải chia tay. Jack và Damien đều xá dài và ôm lấy Hòa thượng Harada Roshi khi chúng tôi ra về. Hòa thượng Roshi, sư cô Chisan và cô Dakota đi đến văn phòng Tuyên úy, còn tôi phải đi ra khỏi trại giam với một “cận vệ” để đem đũa “đồ nghề” của tôi ra xe mini-van. Khi tôi được đưa vào phòng Tuyên úy, tôi ụng phải Bobby Fredwell, một tù nhân Phật tử đã được Thống đốc tiểu bang ân xá, chuyển án tử hình thành chung thân khổ sai không được ân xá, một tuần trước khi anh bị hành hình. Rất may mắn cho cuộc đời của Bobby. Bobby rất thân với cựu tử tù Jusan, lúc đó được biết với tên “Si-Fu”. Chúng tôi vào văn phòng Tuyên úy tìm cà phê. Tôi giới thiệu Bobby với mọi người. Cô Dakota hỏi Bobby anh đang làm nghề gì, anh nói phải làm trong nhóm lao động sửa đường tám tiếng mỗi ngày. Cô Dakota lại hỏi có ý kiến gì về việc làm lao động ngoài trời dưới ánh mặt trời gay gắt không? Anh ta nói anh không có sự lựa chọn nào khác, nếu không sẽ bị phạt phải ở trong “lỗ” (biệt giam).

Trên Đường Về

Chúng tôi rời khỏi trại giam. Nhóm tù khổ sai lót đường bên kia trại tù được đưa vào trại giam lại. Hoà Thượng Roshi và sư cô Daichi sẽ lên phi cơ tại phi trường Memphis, sáng hôm sau lúc 6 giờ 45 sáng. Chuyến trở về của đoàn hành hương có vẻ tĩnh lặng hơn. Hòa thượng Roshi ngồi băng xe sau ghi chép nhật ký, còn tôi thì chuyên chú lái xe qua đèo ạn đường xa lộ tối đen. Chúng tôi về đến Memphis thì đã khuya, Hoà thượng và sư cô vội vàng đi nghỉ vì còn hành trình dài ngồi một ngày dài [trên phi cơ] và hai ngày sau phải hướng dẫn một khóa tu “nhiếp tâm” nữa. Sáng hôm sau, tôi chở các ngài ra phi trường. Khi chia tay, ngài Harada Roshi nói với tôi là ngài “sẽ trở lại”. Tôi cảm thấy hân hoan biết rằng ngài rất cảm động và tôi biết phải nhờ ngài thì mới truyền Chân Phật pháp vào các trại tù này được.

Kết Luận

Chuyến hành hương trại tử tù của Hòa thượng Harada Roshi và chúng tôi là một sự mời gọi tất cả chúng ta hãy “tỉnh thức!” để nhìn một cách sâu sắc và thấy sự việc rõ ràng. Chúng ta nên hành động với một tâm thức giác ngộ, đoàn kết với tất cả chúng sanh dù là phạm nhân để cùng nhau tạo dựng một cộng đồng không hình phạt mà chỉ có hồi phục xây dựng. Xã hội nên thay thế án tử hình bằng án chung thân không ân xá hay ân xá, như vậy tạo cơ hội cho phạm nhân lấy

công khổ sai suốt đời chuộc lỗi, còn hơn là giết lấy sinh mạng vô ích. Trong lịch sử nhân loại đã ghi lại luôn luôn có sự thay thế cho tất cả hình thức áp bức hung bạo.

Kinh nghiệm là một bài học cho chúng ta học hỏi, nhất là kinh nghiệm của nhiều sự sai lầm.

Xin ủng hộ cho việc xoá bỏ án tử hình!



Tử tù Dainin Jack Jones (cực trái), Hòa thượng Shodo Harada Roshi (đứng thứ hai từ trái), tử tù Koson Damien Echols (thứ ba từ trái) and Thượng tọa Kobutsu Malone Osho (cực phải) tại Trại tù Tucker-Max prison, Tucker Arkansas.

(Người chụp ảnh: Sư cô Daichi Storandt – ngày 19, tháng 9 năm 2000)



Sư Cô Thích Nữ Giới Hương (*Phạm Thị Ngọc Dung*) sinh năm 1963 tại Bình Tuy và xuất gia năm 15 tuổi. Sư cô đã tu học tại Ấn Độ 10 năm và năm 2003, tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học tại Trường Đại Học Delhi, Ấn Độ.

Sư cô thích làm thơ, viết văn và trầm tư về pháp. Sư cô cũng là tác giả của sách:

- *Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions*, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004 & 2nd reprint 2005.
- *Boà-tàùt vàø Taùnh-khoàng trong Kinh ñieån Pali vàø Ñaïi thøøa*, Delhi-7: Tuû saùch Baøu Anh Laïc, 2005; Tái bản lần hai, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Tp HCM, 2008.
- *Ban Mai Xòu AÁN* (3 taäp), Delhi-7: Tuû saùch Baøu Anh Laïc, 2005; và tái bản lần hai năm 2006; Tái bản lần hai, Nhà Xuất Bản Văn Hoá Sài Gòn, 2008.
- *Vôøøn Nai - Chieác Noài Phaät giaøu*, Delhi-7: Tuû saùch Baøu Anh Laïc, 2005; Tái bản lần hai, Nhà Xuất Bản Phương Đông, 2008.
- *Xaù Lôïi cuøa Ñöøc Phaät*, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyeån ngữ, Delhi-7: Tuû saùch Baøu Anh Laïc, 2005 và tái bản lần hai

tại Delhi 2006; Tái bản lần ba, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Tp HCM, 2008.

- *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*, Tủ Sách Bảo Anh Lạc, Wisconsin, USA, 2008.
- *Vòng Luân Hồi*, Thích Nữ Giới Hương, Nhà sách Phương Đông: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008.
- *Hoa Tuyết Milwaukee*, Thích Nữ Giới Hương, Nhà Xuất bản Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008.
- *Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, Nhà Xuất bản Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008.
- *Nữ Tu và Tù Nhân Hoa Kỳ*, Thích Nữ Giới Hương, Nhà Xuất bản Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010.
- *Quán Âm Quảng Trần*, Thích Nữ Giới Hương, Nhà Xuất bản Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010.